



BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

THÁNG 05 NĂM 2016

VÙNG TÂY NGUYÊN

Hà Nội, 06/2016

MỤC LỤC

I. Tổng quan diễn biến mực nước	3
I.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q).....	3
I.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa (βQ_{II})	9
I.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_I).....	16
I.4. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng vỉa các thành tạo đầm hồ trầm tích Neogen (N)	22
II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước các tỉnh	28
II.1. Tỉnh Kon Tum	28
II.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)	28
II.1.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_I)	28
II.1.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng vỉa các thành tạo đầm hồ trầm tích Neogen (N).....	30
II.2. Tỉnh Gia Lai.....	31
II.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)	31
II.2.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa (βQ_{II}).....	33
II.2.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_I)	35
II.2.4. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng vỉa các thành tạo đầm hồ trầm tích Neogen (N).....	36
II.3. Tỉnh Đắk Lắk.....	38
II.3.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)	38
II.3.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa (βQ_{II}).....	39
II.3.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_I)	40
II.3.4. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng vỉa các thành tạo đầm hồ trầm tích Neogen (N).....	42
II.4. Tỉnh Đắk Nông.....	43
II.4.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)	43
II.4.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa (βQ_{II}).....	44
II.4.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_I)	45
II.5. Tỉnh Lâm Đồng.....	47
II.5.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)	47
II.5.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa (βQ_{II}).....	48
II.5.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_I)	49

Vùng Tây Nguyên gồm có 4 tầng chứa nước chính. Theo thứ tự từ trẻ đến già gồm: tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q), tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa (βQ_{II}), tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_I) và tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng via các thành tạo đầm hồ trầm tích Neogen (N).

Trên cơ sở kết quả quan trắc tài nguyên nước dưới đất, diễn biến tài nguyên nước dưới đất được phân tích và đánh giá để dự báo cho tháng 6, 7 năm 2016. Kết quả được thể hiện chi tiết như sau:

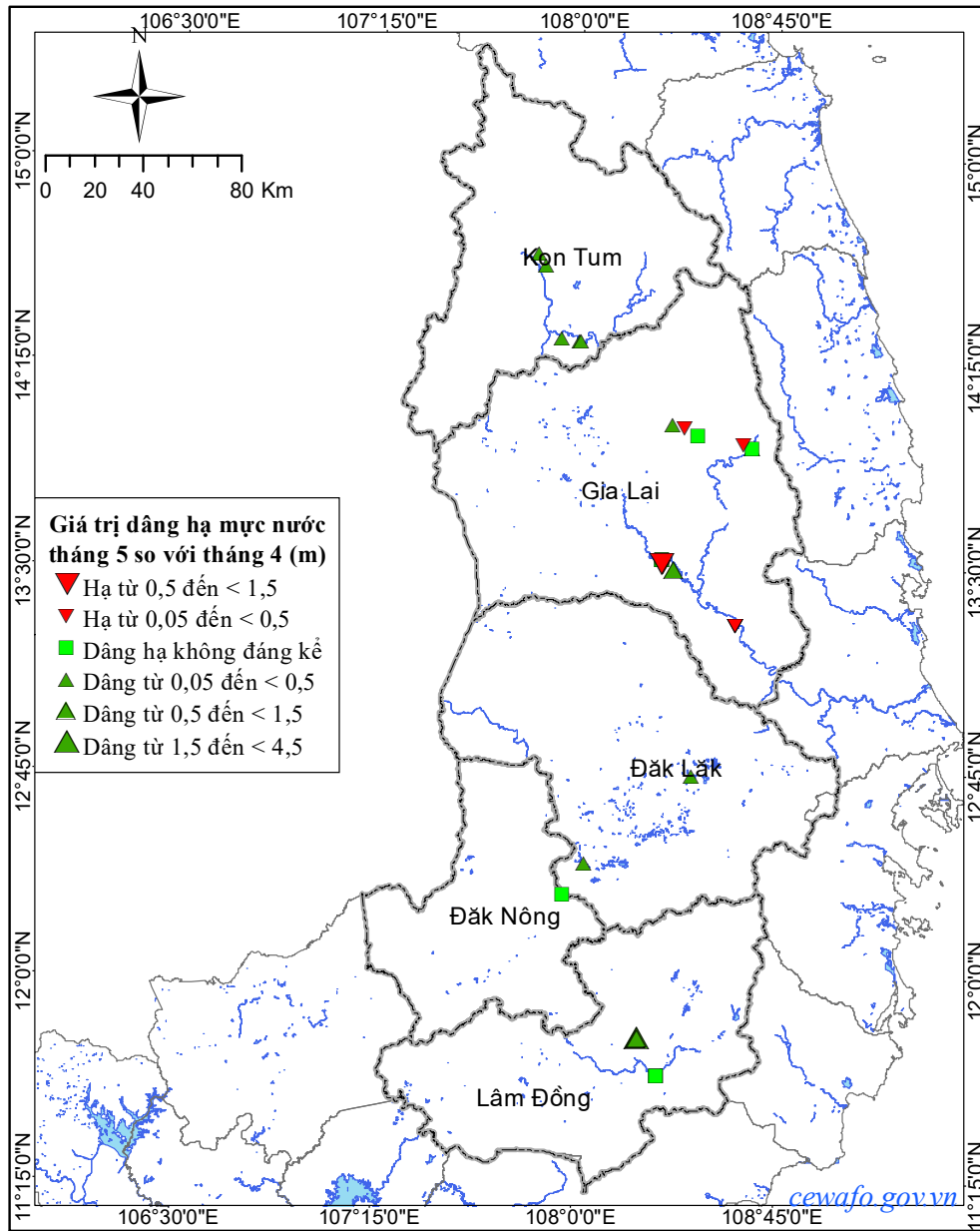
I. Tổng quan diễn biến mực nước

I.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)

Diễn biến mực nước dưới đất tháng so với giá trị trung bình tháng 4: mực nước có xu thế dâng là chính, có 16/32 công trình có mực nước dâng, 7/32 công trình có mực nước hạ và 9/32 công trình có mực dâng hạ không đáng kể.

Giá trị dâng cao nhất là 4,26m tại TT.Đình Văn-Lâm Hà-Lâm Đồng (LK119T) và giá trị hạ thấp nhất là 1,43m tại TT.Phú Thiện-Phú Thiện-Gia Lai (C7a).

Trong tháng 5: mực nước trung bình tháng sâu nhất là 9,98m tại Ninh Gia-Đức Trọng-Lâm Đồng (LK107aT). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,94m tại Tân Văn-Lâm Hà-Lâm Đồng (LK117T).



Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 tầng Q

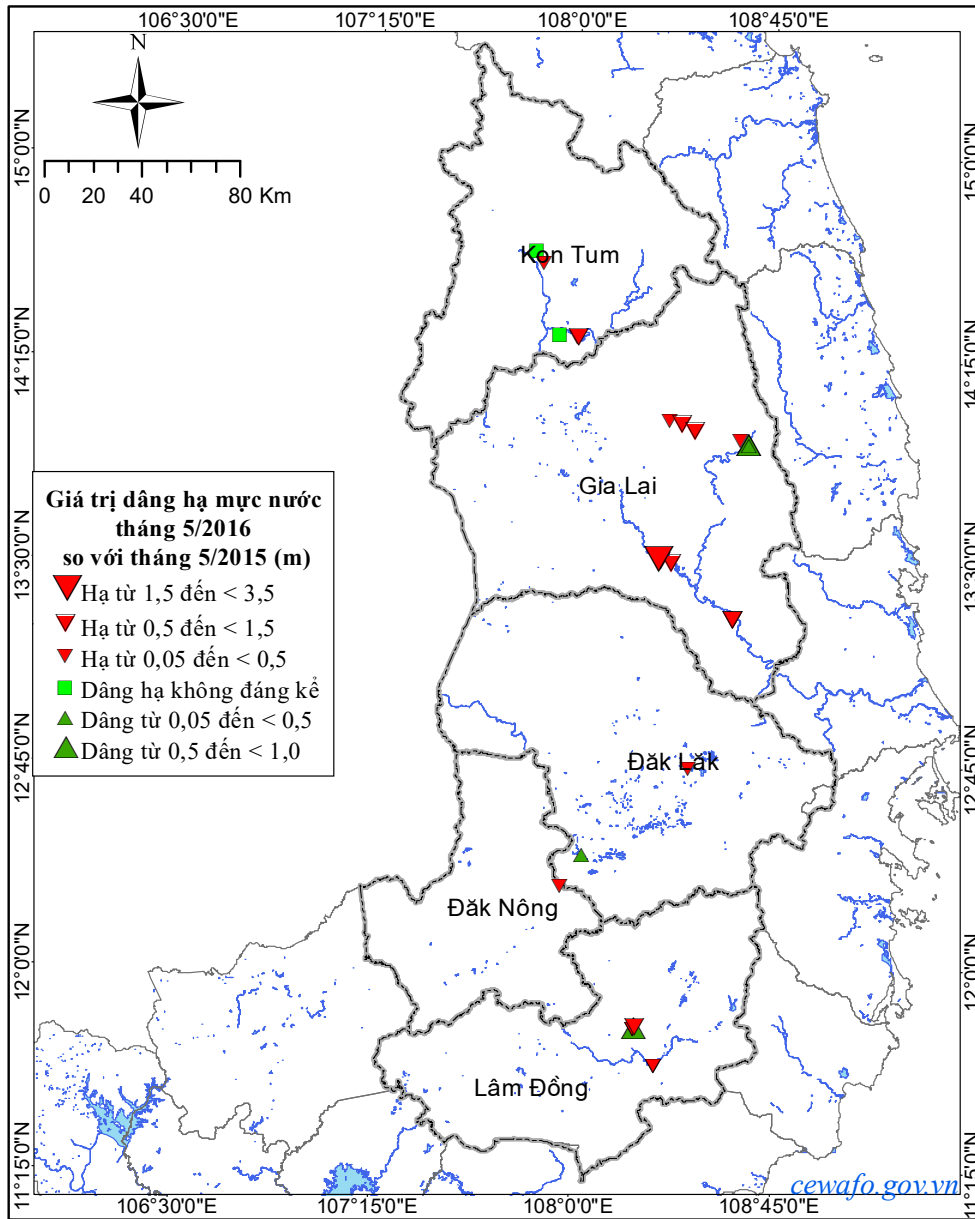
Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với cùng thời điểm 1 năm, 5 năm và 10 năm trước được ghi chi tiết trong bảng 1, 2 và các hình 2, 3 và 4. Mực nước suy giảm lớn nhất so với cùng kỳ năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước lần lượt là 3,32m; 4,45m và 4,61m tại Phú Thiện-Gia Lai.

Bảng 1. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ (m)

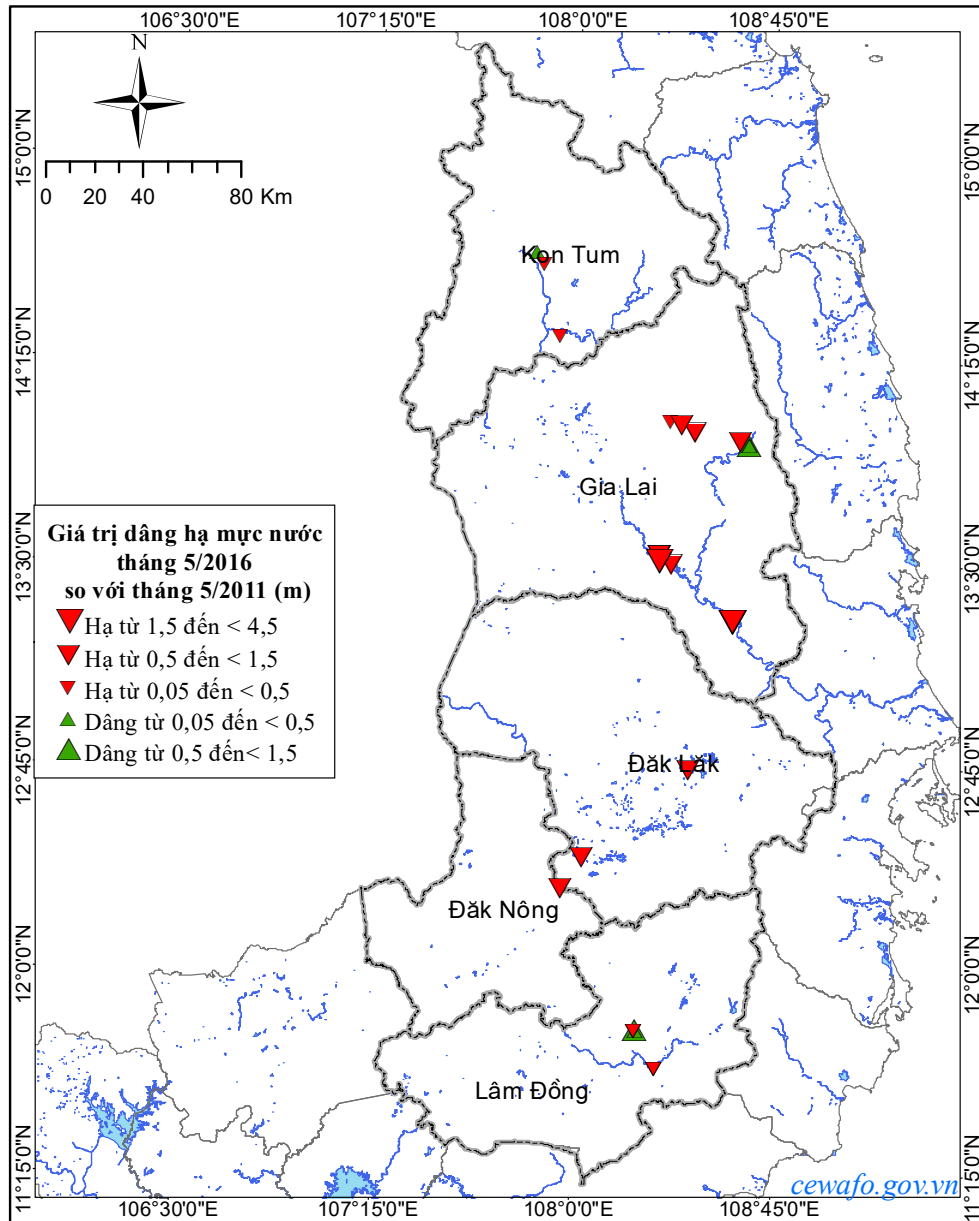
Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 5 năm 2016	9,98	Ninh Gia-Đức Trọng-Lâm Đồng (LK107aT)	0,94	Tân Văn-Lâm Hà-Lâm Đồng (LK117T)
1 năm trước (2015)	9,69	Ninh Gia-Đức Trọng-Lâm Đồng (LK107aT)	0,77	Tân Văn-Lâm Hà-Lâm Đồng (LK117T)
5 năm trước (2011)	9,79	Ninh Gia-Đức Trọng-Lâm Đồng (LK107aT)	0,64	Ea Kly-Krông Păk-Đắk Lắk (LK51T)
10 năm trước (2006)	9,42	Ninh Gia-Đức Trọng-Lâm Đồng (LK107aT)	0,67	Ea Kly-Krông Păk-Đắk Lắk (LK51T)

Bảng 2. Diễn biến mực nước TB tháng 5 so với cùng thời điểm các năm trước

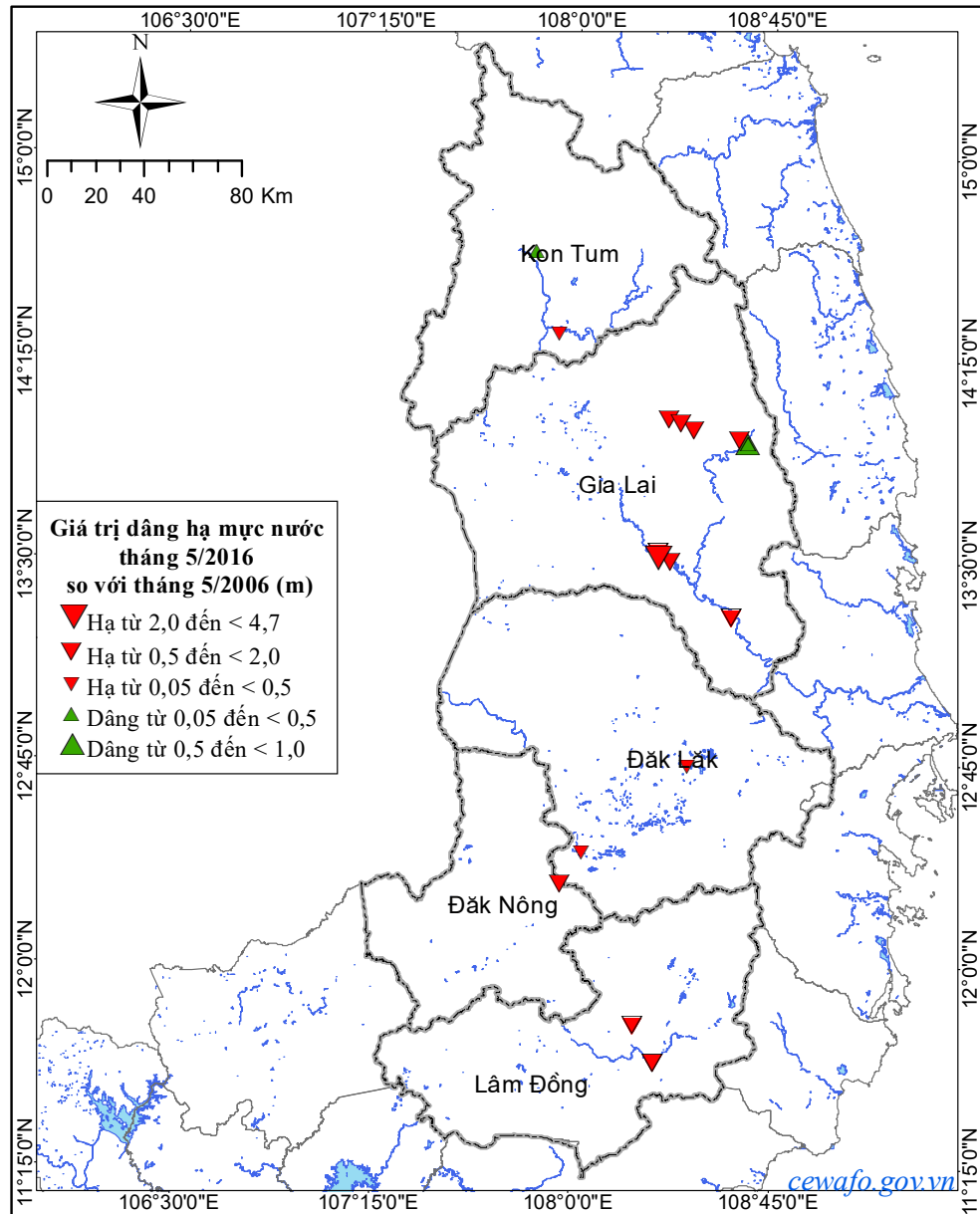
Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2015)	Hạ	3,32	TT.Phú Thiện-Phú Thiện-Gia Lai (C7a)	0,95	TT.Đình Văn-Lâm Hà-Lâm Đồng (LK119T)
5 năm trước (2011)	Hạ	4,45	TT.Phú Thiện-Phú Thiện-Gia Lai (C7a)	1,09	TT.Đình Văn-Lâm Hà-Lâm Đồng (LK119T)
10 năm trước (2006)	Hạ	4,61	TT.Phú Thiện-Phú Thiện-Gia Lai (C7a)	0,92	TT.An Bình-TX.An Khê-Gia Lai (LK18T)



Hình 2. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với cùng kỳ năm trước

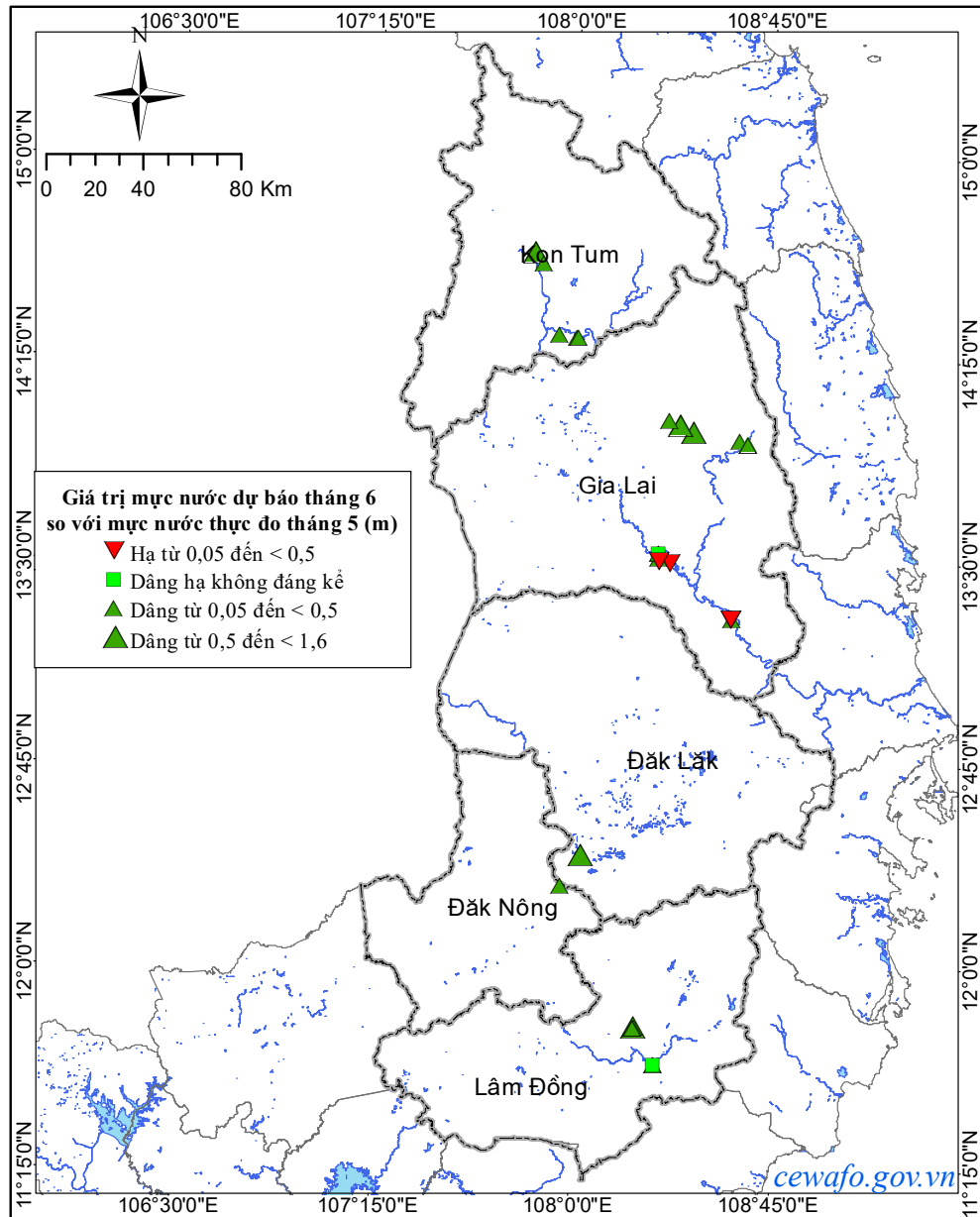


Hình 3. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với cùng kỳ 5 năm trước



Hình 4. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với cùng kỳ 10 năm trước

Dự báo: diễn biến mực nước dưới đất tháng tiếp theo có xu hướng dâng là chính so với mực nước thực đo tháng 5 (xem hình 5). Mực nước dâng cao từ 0,5m đến 1,6m chủ yếu tập trung ở Đắc Tô-Kon Tum, Mang Yang-Gia Lai, Krông Ana- Đắc Lắc và Lâm Hà- Lâm Đồng. Mực nước hạ thấp tập trung ở Phú Thiện và Krông Pa tỉnh Gia Lai.



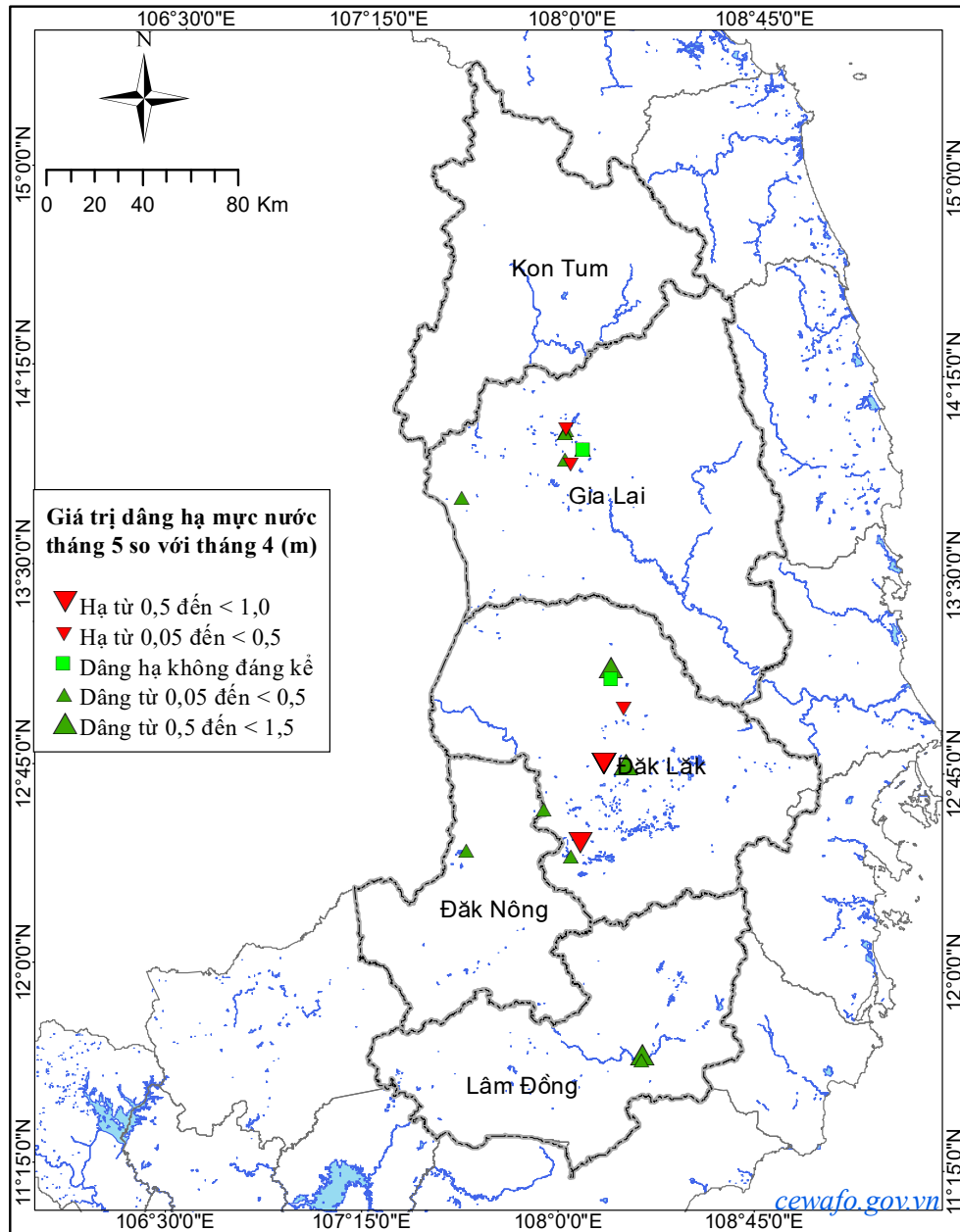
Hình 5. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tháng 6 tầng Q

1.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa (βQ_{11})

Diễn biến mực nước dưới đất tháng so với giá trị trung bình tháng 4: mực nước có xu thế dâng là chính, có 16/27 công trình có mực nước dâng, 9/27 công trình có mực nước hạ và 2/27 công trình có mực nước dâng hạ không đáng kể.

Giá trị dâng cao nhất là 1,15m tại Phú Hội-Đức Trọng-Lâm Đồng (LK113T) và giá trị hạ thấp nhất là 0,78m tại Ea Ktur-Cư Kuin-Đắk Lắk (LK74T).

Trong tháng 5: mực nước trung bình tháng sâu nhất là 28,23m tại P.Yên Thế-TP.Pleiku-Gia Lai (C3b). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 3,47m tại Biển Hồ-TP.Pleiku-Gia Lai (LK159T).



Hình 6. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 tầng β_{QII}

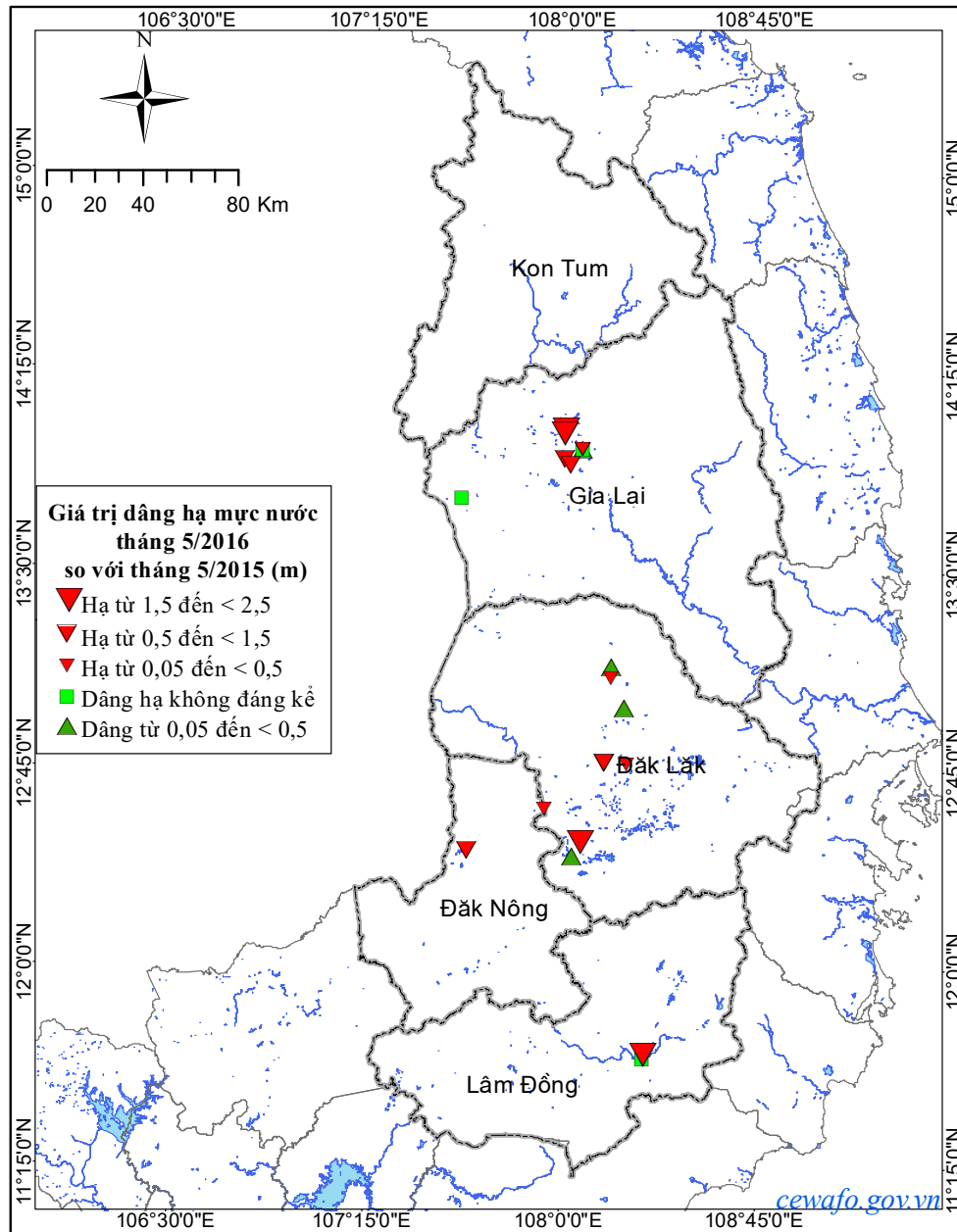
Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với cùng thời điểm 1 năm, 5 năm và 10 năm trước được ghi chi tiết trong bảng 3, 4 và các hình 7, 8 và 9. Mực nước suy giảm lớn nhất so với cùng kỳ năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước lần lượt là 2,19m; 3,57m và 3,72m, tại Đức Trọng-Lâm Đồng; Cư Kuin-Đắk Lắk và Cư M'gar-Đắk Lắk.

Bảng 3. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ (m)

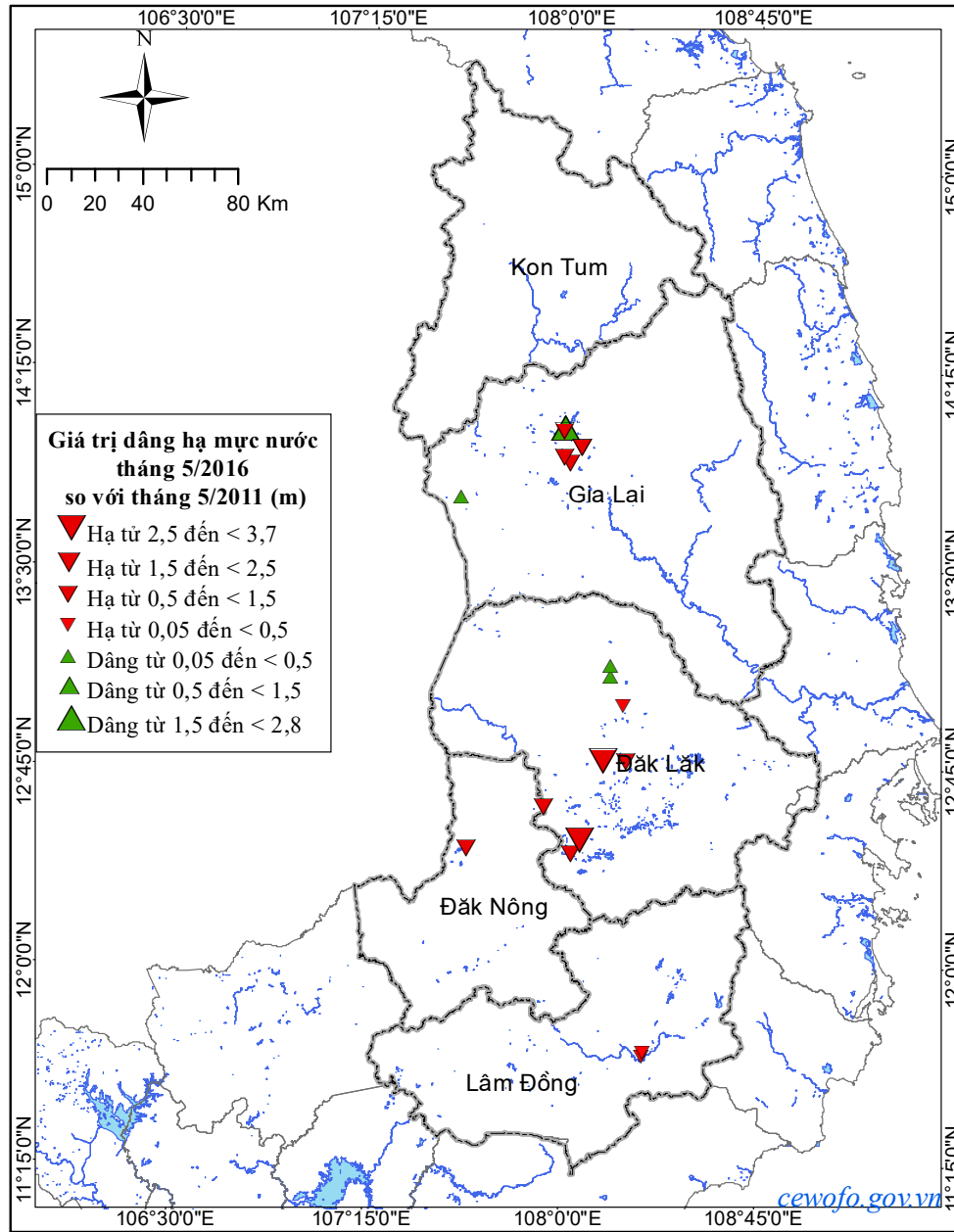
Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 5 năm 2016	28,23	P.Yên Thế-TP.Pleiku-Gia Lai (C3b)	3,47	Biển Hồ-TP.Pleiku-Gia Lai (LK159T)
1 năm trước (2015)	26,11	P.Yên Thế-TP.Pleiku-Gia Lai (C3b)	1,69	P.Yên Thế-TP.Pleiku-Gia Lai (C3b)
5 năm trước (2011)	27,24	P.Yên Thế-TP.Pleiku-Gia Lai (C3b)	2,81	P. Hội Phú-TP.Pleiku-Gia Lai (LK64T)
10 năm trước (2006)	27,53	P.Yên Thế-TP.Pleiku-Gia Lai (C3b)	2,86	P. Hội Phú-TP.Pleiku-Gia Lai (LK64T)

Bảng 4. Diễn biến mực nước TB tháng 5 so với cùng thời điểm các năm trước

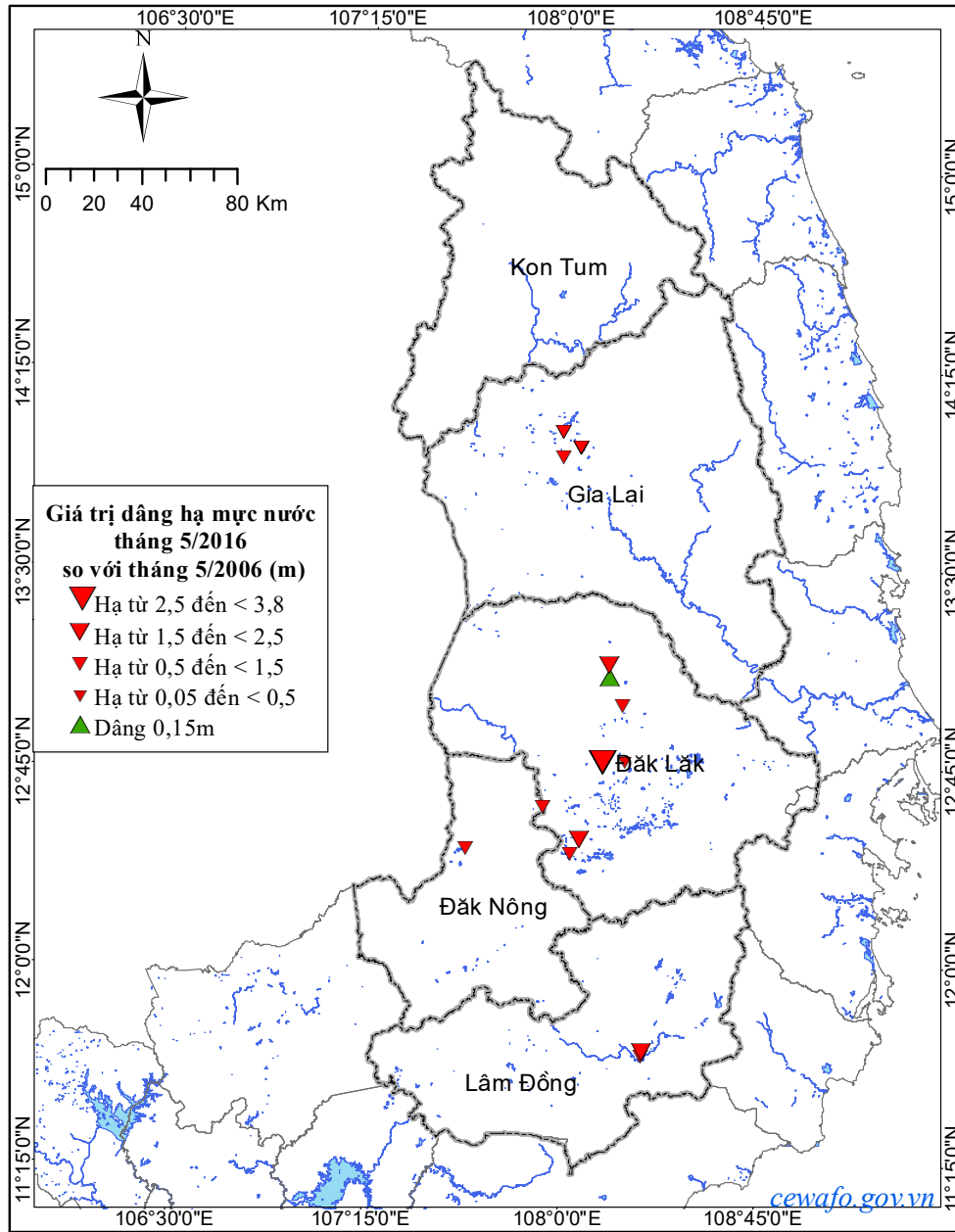
Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2015)	Hạ	2,19	Phú Hội-Đức Trọng-Lâm Đồng (LK113T)	0,35	Ea Nam-Ea H'leo-Đắk Lắk (LK29T)
5 năm trước (2011)	Hạ	3,57	Ea Ktur-Cư Kuin-Đắk Lắk (LK74T)	2,76	Biển Hồ-TP.Pleiku-Gia Lai (LK159T)
10 năm trước (2006)	Hạ	3,72	Cuôr Đăng-Cư M'gar-Đắk Lắk (CB4-II)	0,15	Cuôr Đăng-Cư M'gar-Đắk Lắk (CB4-II)



Hình 7. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với cùng kỳ năm trước

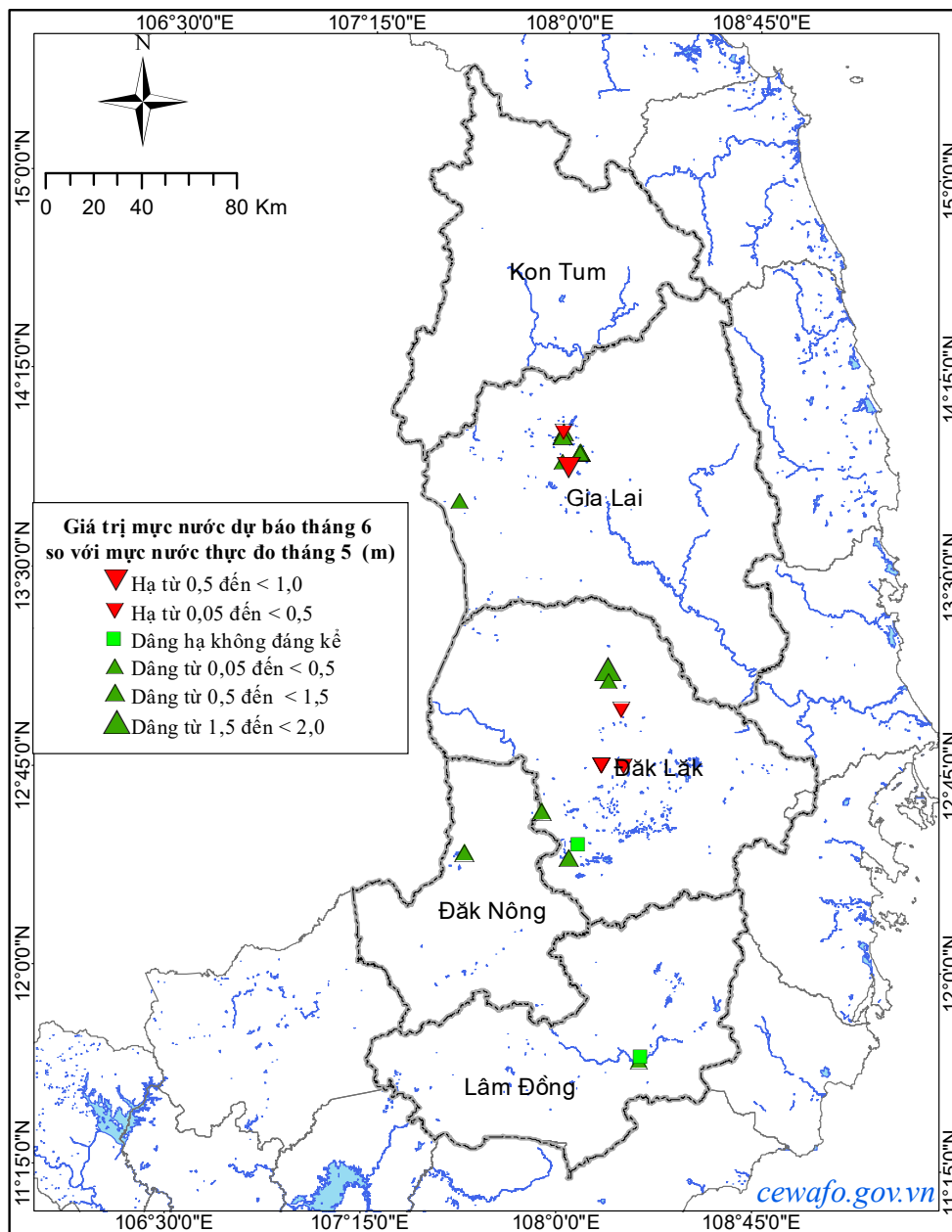


Hình 8. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với cùng kỳ 5 năm trước



Hình 9. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với cùng kỳ 10 năm trước

Dự báo: diễn biến mực nước dưới đất tháng tiếp theo có xu hướng dâng là chính so với mực nước thực đo tháng 5 (xem hình 10). Mực nước dâng cao từ 1,5m đến 2,0m tập trung ở EAHLEO- Đắk Lắk. Mực nước hạ thấp từ 0,5m đến 1,0m tập trung ở TP.Pleiku-Gia Lai.



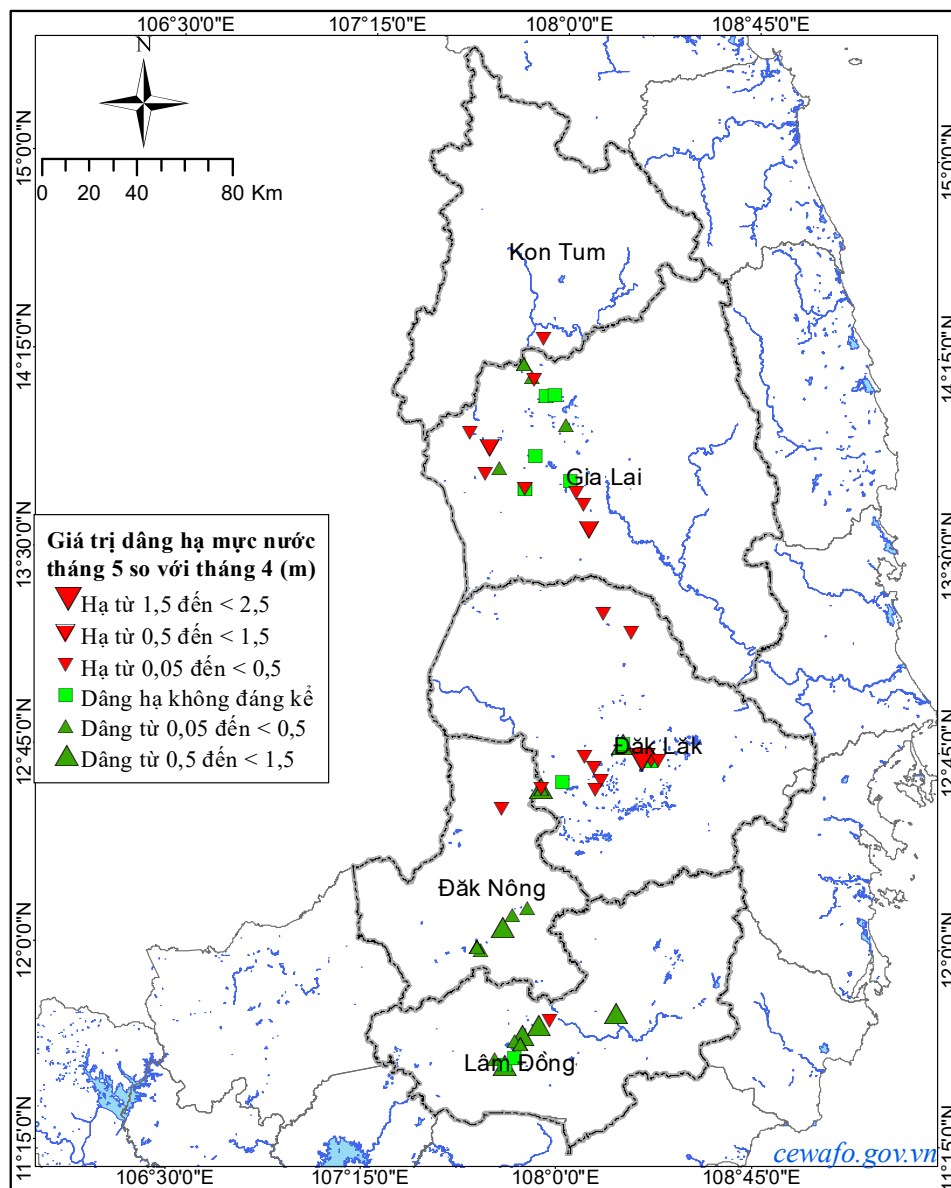
Hình 10. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tháng 6 tăng β_{QII}

1.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_1)

Diễn biến mực nước dưới đất tháng 5 so với giá trị trung bình tháng 4: mực nước có xu thế dâng là chính, trong đó có 35/69 công trình có mực nước dâng, 22/69 công trình có mực nước hạ và 12/69 công trình có mực nước dâng hạ không đáng kể.

Giá trị dâng cao nhất là 1,50m tại Tân Văn-Lâm Hà-Lâm Đồng (LK114T) và giá trị hạ thấp nhất là 2,45m tại Ea Knuéc-Krông Păk-Đắk Lắk (C5o).

Trong tháng 5: mực nước trung bình tháng sâu nhất là 126,20m tại P.2-TP.Bảo Lộc-Lâm Đồng (C10o). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,64m tại Ia Drăng-Chư Prông-Gia Lai (LK144T).



Hình 11. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 tầng βN_2-Q_1

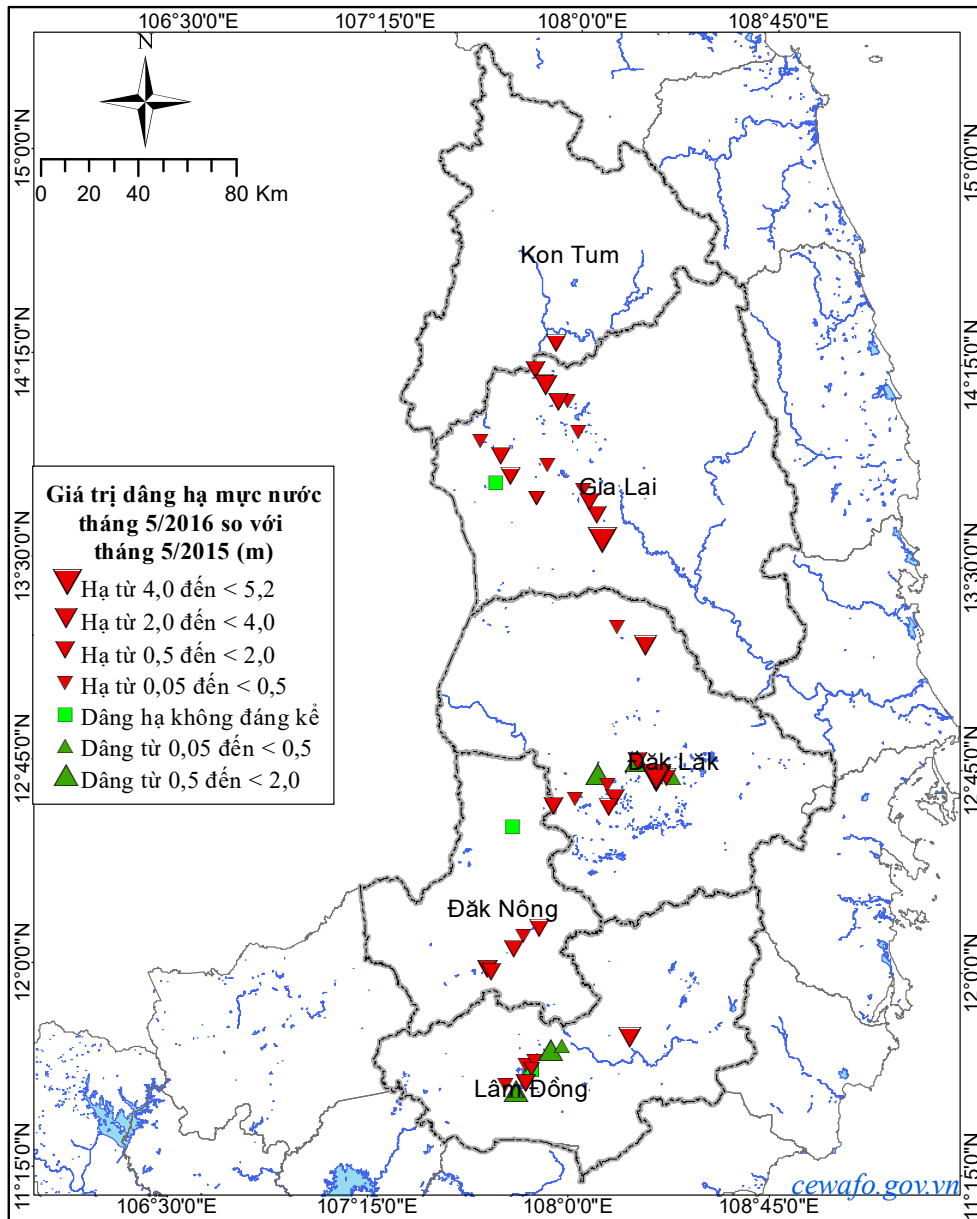
Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với cùng thời điểm 1 năm, 5 năm và 10 năm trước được ghi chi tiết trong bảng 5, 6 và các hình 12, 13 và 14. Mực nước suy giảm lớn nhất so với cùng kỳ năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước lần lượt là 5,17m; 7,91m và 8,33m tại Krông Păk-Đắk Lắk và Đắk Min-Đắk Nông.

Bảng 5. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ (m)

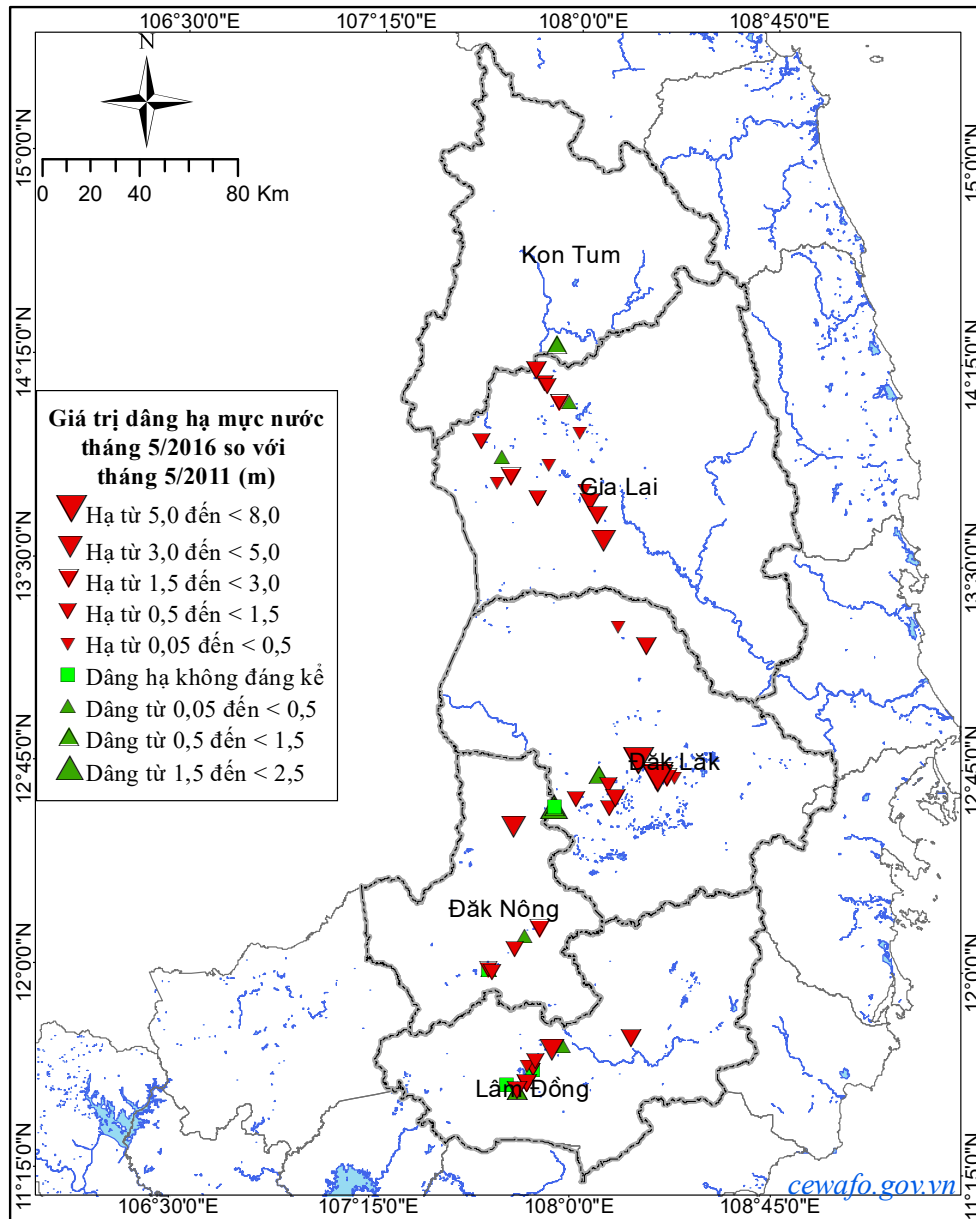
Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 5 năm 2016	126,20	P.2-TP.Bảo Lộc-Lâm Đồng (C10o)	0,64	Ia Drăng-Chư Prông-Gia Lai (LK144T)
1 năm trước (2015)	126,32	P.2-TP.Bảo Lộc-Lâm Đồng (C10o)	0,40	Ia Drăng-Chư Prông-Gia Lai (LK144T)
5 năm trước (2011)	126,83	P.2-TP.Bảo Lộc-Lâm Đồng (C10o)	0,40	Ia Drăng-Chư Prông-Gia Lai (LK144T)
10 năm trước (2006)	127,58	P.2-TP.Bảo Lộc-Lâm Đồng (C10o)	1,53	Quảng Sơn-Đắk Glong-Đắk Nông (LK83T)

Bảng 6. Diễn biến mực nước TB tháng 5 so với cùng thời điểm các năm trước

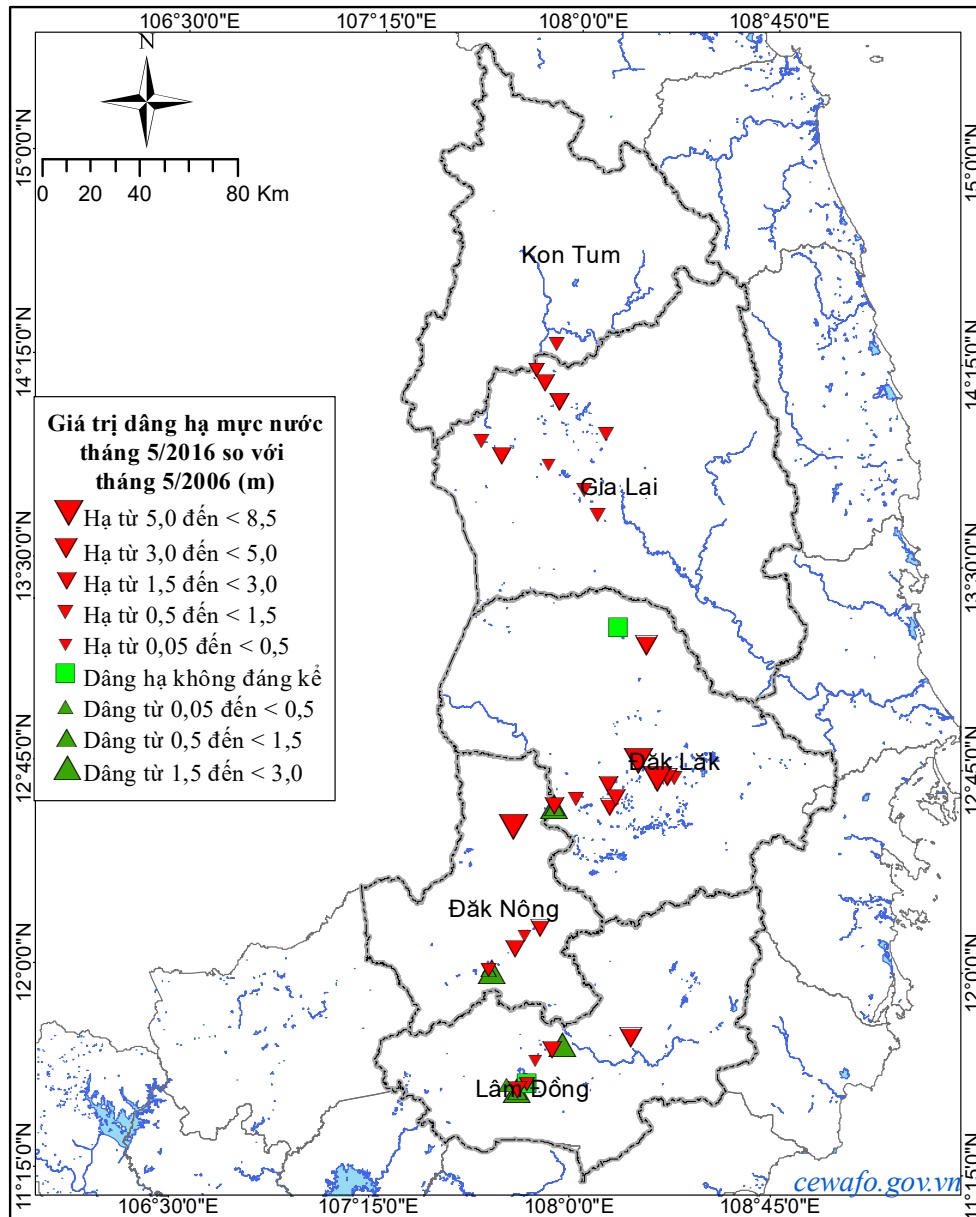
Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2015)	Hạ	5,17	Ea Knuéc-Krông Păk-Đắk Lắk (C5o)	1,74	P.2-TP.Bảo Lộc-Lâm Đồng (C10b)
5 năm trước (2011)	Hạ	7,91	Ea Knuéc-Krông Păk-Đắk Lắk (C5a)	2,41	Hòa Phú-TP.Buôn Ma Thuật-Đắk Lắk (LK46T)
10 năm trước (2006)	Hạ	8,33	Đắk Gằn-Đắk Min-Đắk Nông (LK41T)	5,33	Eatu-TP.Buôn Ma Thuật-Đắk Lắk (C15)



Hình 12. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với cùng kỳ năm trước

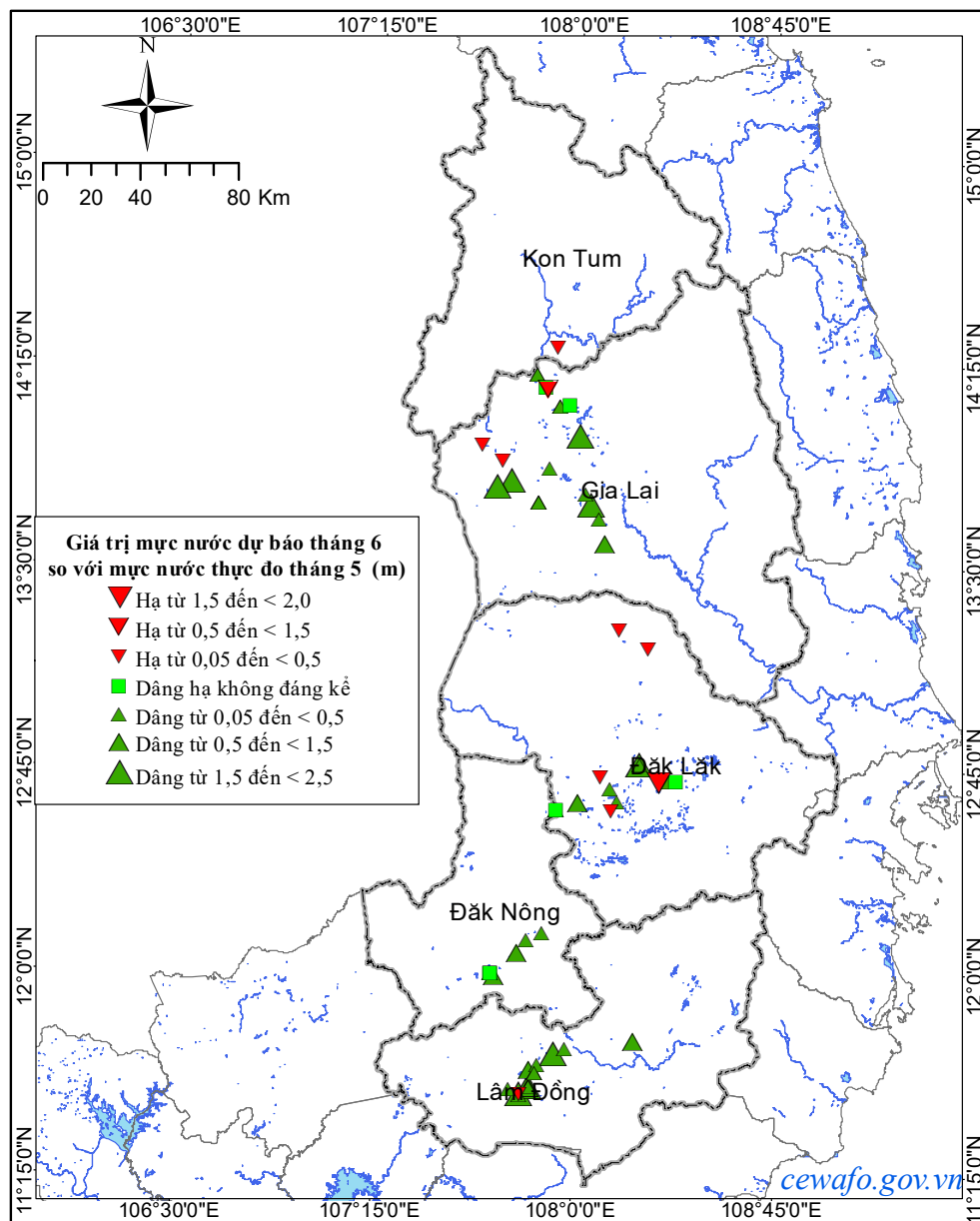


Hình 13. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với cùng kỳ 5 năm trước



Hình 14. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với cùng kỳ 10 năm trước

Dự báo: diễn biến mực nước dưới đất tháng tiếp theo có xu hướng dâng là chính so với mực nước thực đo tháng 5 (xem hình 15). Mực nước dâng cao từ 1,5m đến 2,5m chủ yếu tập trung ở Đức Cơ-Gia Lai, TP.Pleiku-Gia Lai, Chư Sê-Gia Lai, TX.Buôn Hồ-Đắk Lắk, TP.Bảo Lộc-Lâm Đồng và Bảo Lâm-Lâm Đồng. Mực nước hạ thấp từ 1,5m đến 2,0m tập trung ở Krông Pắc-Đắk Lắk.



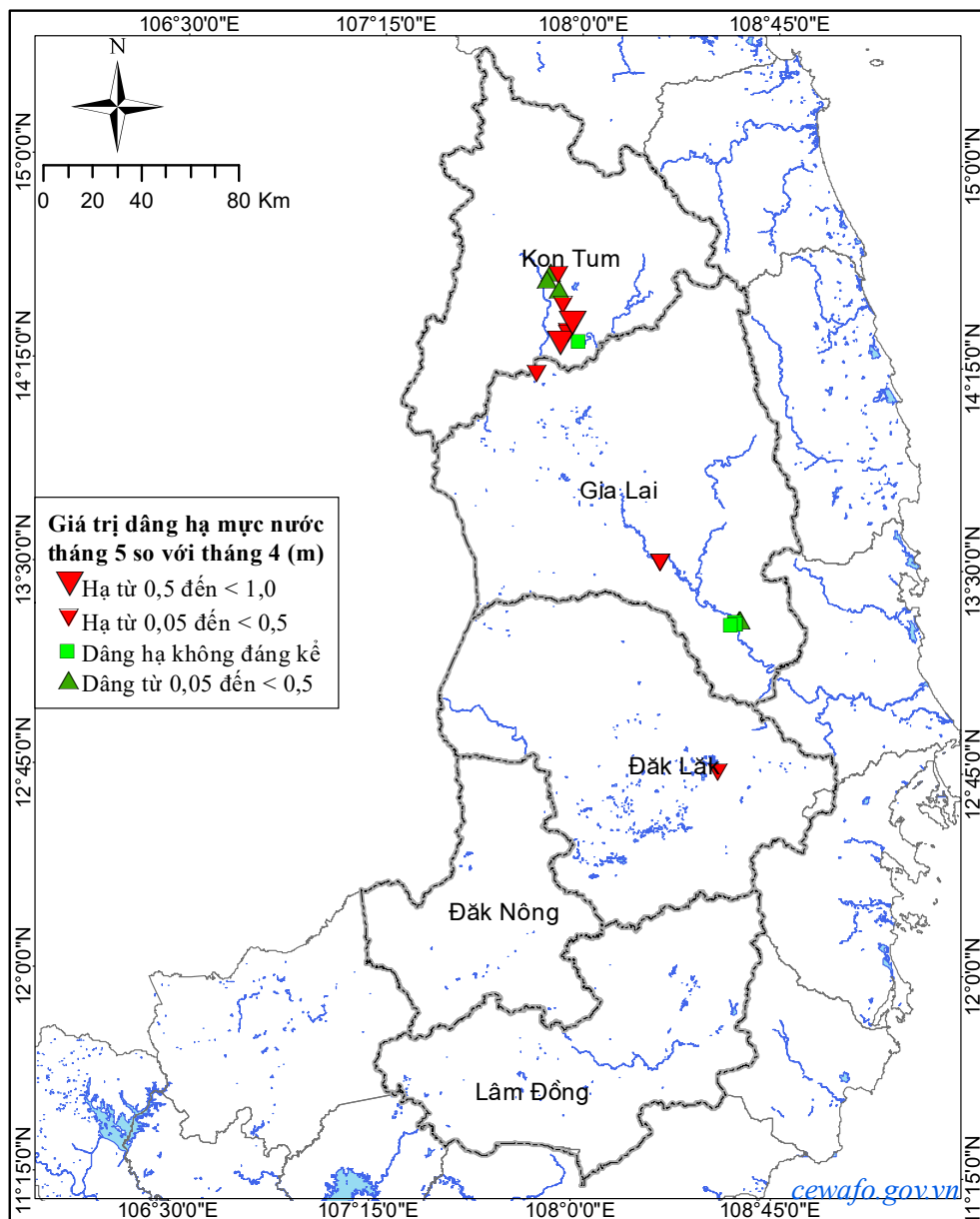
Hình 15. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tháng 6 tăng βN_2-Q_1

1.4. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng vỉa các thành tạo đầm hồ trầm tích Neogen (N)

Diễn biến mực nước dưới đất tháng 5 so với giá trị trung bình tháng 4: mực nước có xu thế hạ là chính, có 11/21 công trình có mực nước hạ và 5/21 công trình có mực nước dâng và 5/21 công trình có mực nước dâng hạ không đáng kể.

Giá trị giá trị hạ thấp là 0,99m tại Vinh Quang-TP.Kon Tum-Kon Tum (LK140T) và giá trị dâng cao nhất là 0,40m tại Diên Bình-Đắk Tô-Kon Tum (LK137T).

Trong tháng 5: mực nước trung bình tháng sâu nhất là 19,38m tại Hà Mòn-Đắk Hà-Kon Tum (LK139Tm1). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,66m tại Ialy-Chur Pah-Gia Lai (LK59T).



Hình 16. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 tầng N

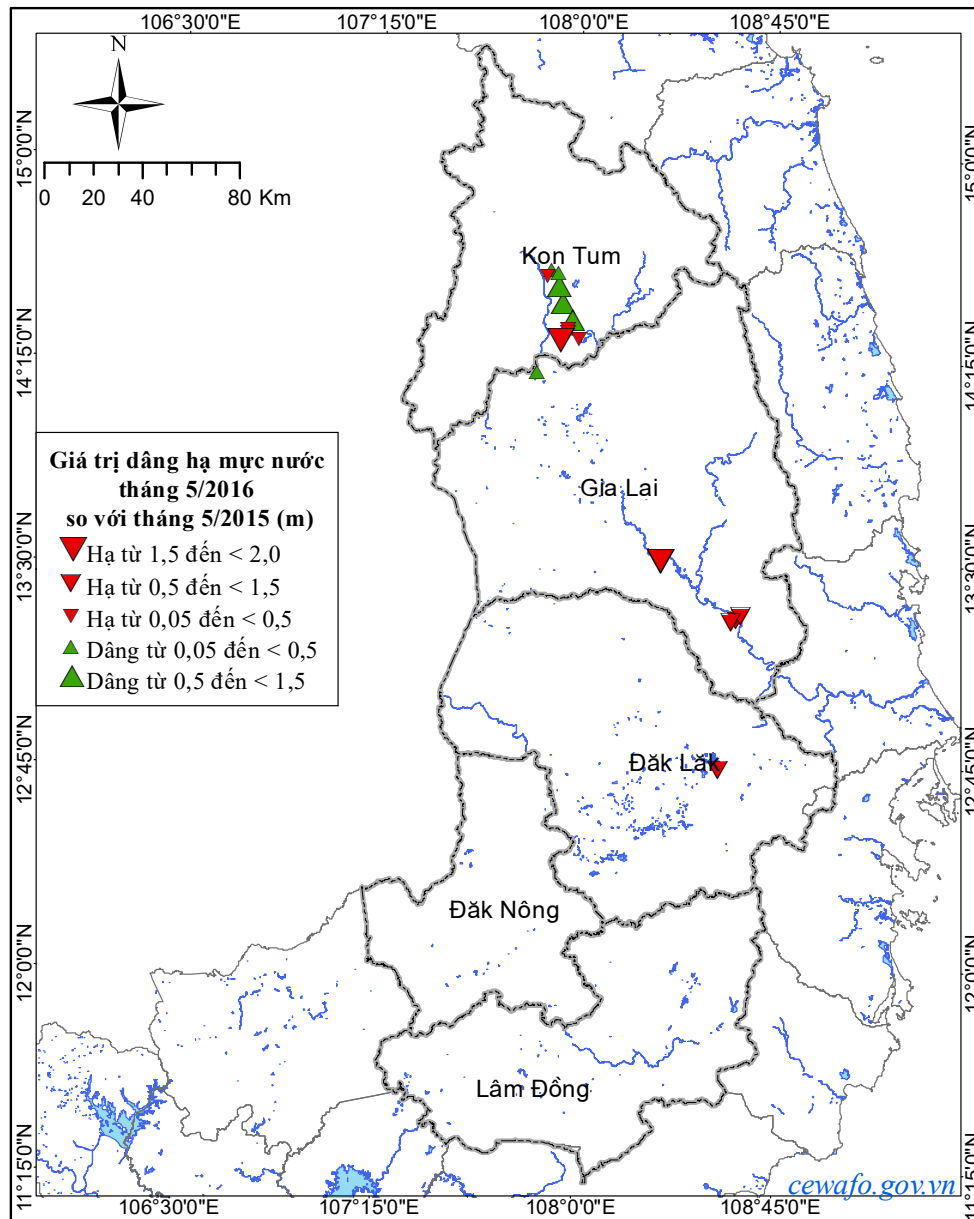
Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với cùng thời điểm 1 năm, 5 năm và 10 năm trước được ghi chi tiết trong bảng 7, 8 và các hình 17, 18 và 19. Mực nước suy giảm lớn nhất so với cùng kỳ năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước lần lượt là 1,92m; 4,75m và 5,88m tại Phú Thiện, Krông Pa - Gia Lai.

Bảng 7. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ (m)

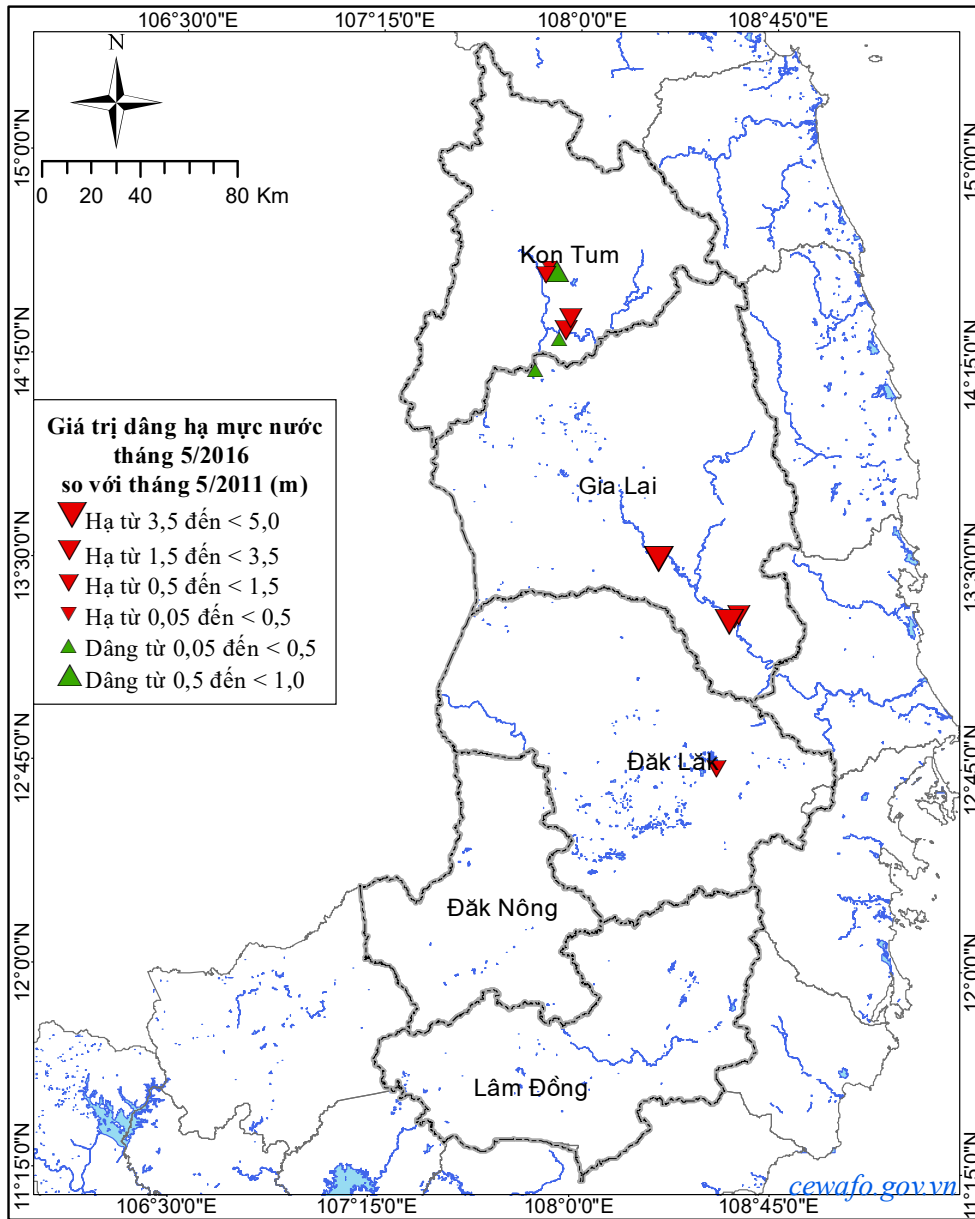
Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 5 năm 2016	19,38	Hà Mòn-Đắk Hà-Kon Tum (LK139Tm1)	1,66	Ialy-Chư Pah-Gia Lai (LK59T)
1 năm trước (2015)	20,56	Hà Mòn-Đắk Hà-Kon Tum (LK139Tm1)	1,29	Ea Kmút-Ea Kar-Đắk Lắk (LK52T)
5 năm trước (2011)	19,77	Đắk Năng-TP.Kon Tum-Kon Tum (LK131T)	1,06	Đắk Năng-TP.Kon Tum-Kon Tum (LK131T)
10 năm trước (2006)	18,49	Ialy-Chư Pah-Gia Lai (LK62T)	0,91	Ialy-Chư Pah-Gia Lai (LK62T)

Bảng 8. Diễn biến mực nước TB tháng 5 so với cùng thời điểm các năm trước

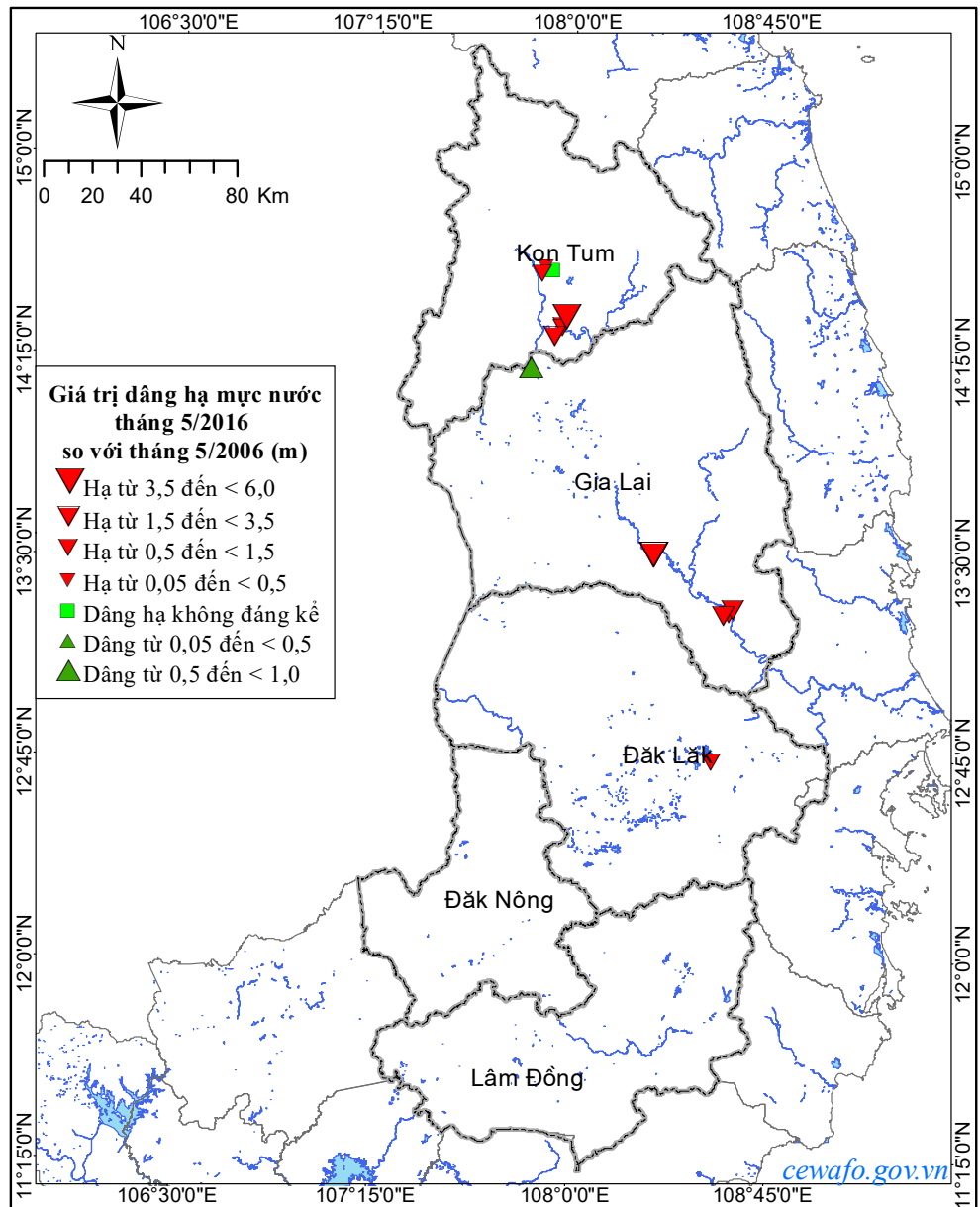
Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2015)	Hạ	1,92	TT.Phú Thiện-Phú Thiện-Gia Lai (C7c)	1,17	Hà Mòn-Đắk Hà-Kon Tum (LK139Tm1)
5 năm trước (2011)	Hạ	4,75	Ia RSuon-Krông Pa-Gia Lai (LK31T)	0,72	Ia RSuon-Krông Pa-Gia Lai (LK31T)
10 năm trước (2006)	Hạ	5,88	TT.Phú Thiện-Phú Thiện-Gia Lai (C7c)	0,84	Ialy-Chư Pah-Gia Lai (LK59T)



Hình 17. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với cùng kỳ năm trước

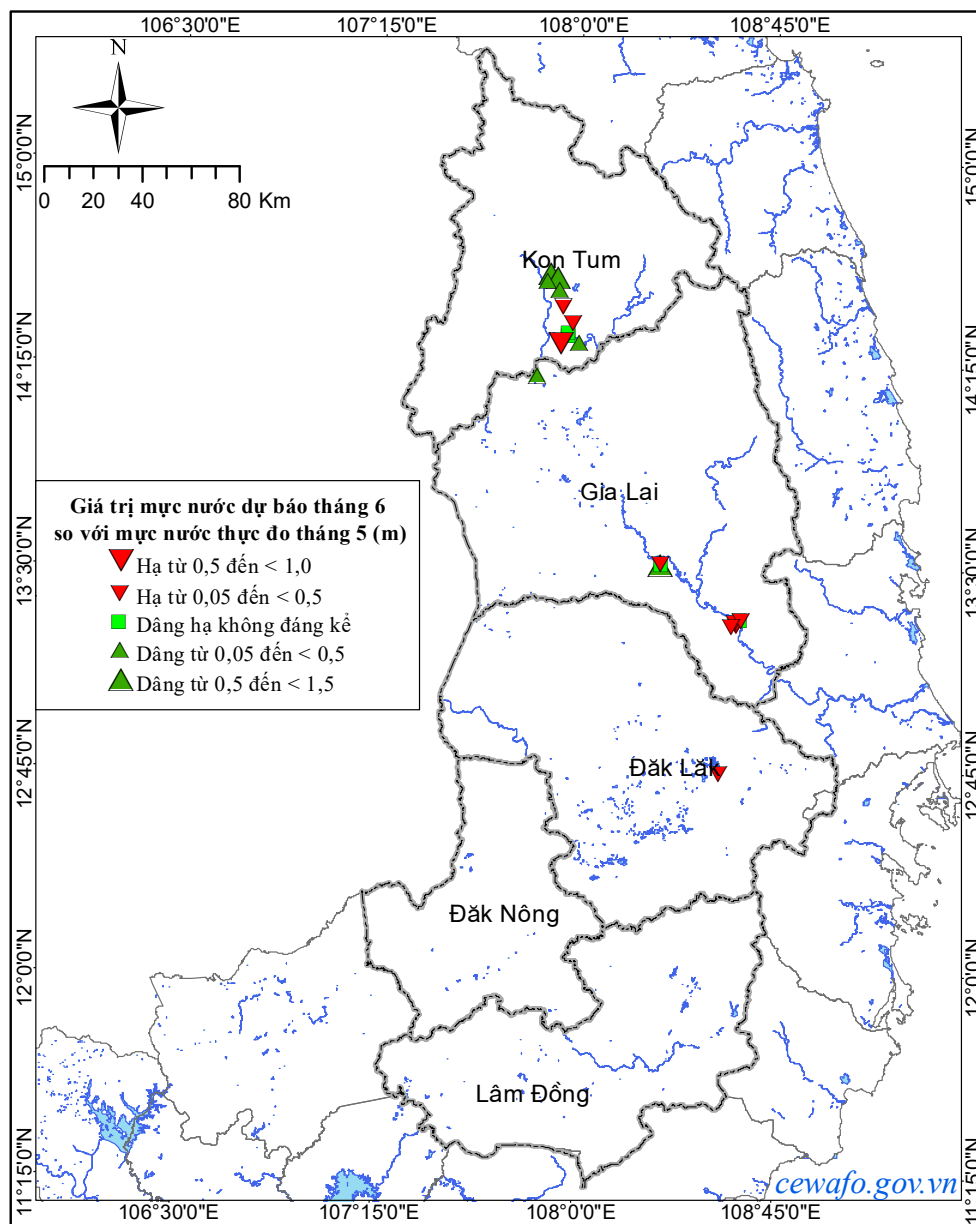


Hình 18. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với cùng kỳ 5 năm trước



Hình 19. Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với cùng kỳ 10 năm trước

Dự báo: diễn biến mực nước dưới đất tháng tiếp theo có xu hướng dâng là chính so với mực nước thực đo tháng 5 (xem hình 20). Mực nước dâng cao từ 0,5m đến 1,5m chủ yếu tập trung ở Đắc Hà-Kon Tum, Đắc Tô-Kon Tum và Phú Thiện-Gia Lai. Mực nước hạ thấp từ 0,5m đến 1,0m tập trung ở TP.Kon Tum-Kon Tum.



Hình 20. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tháng 6 tầng N

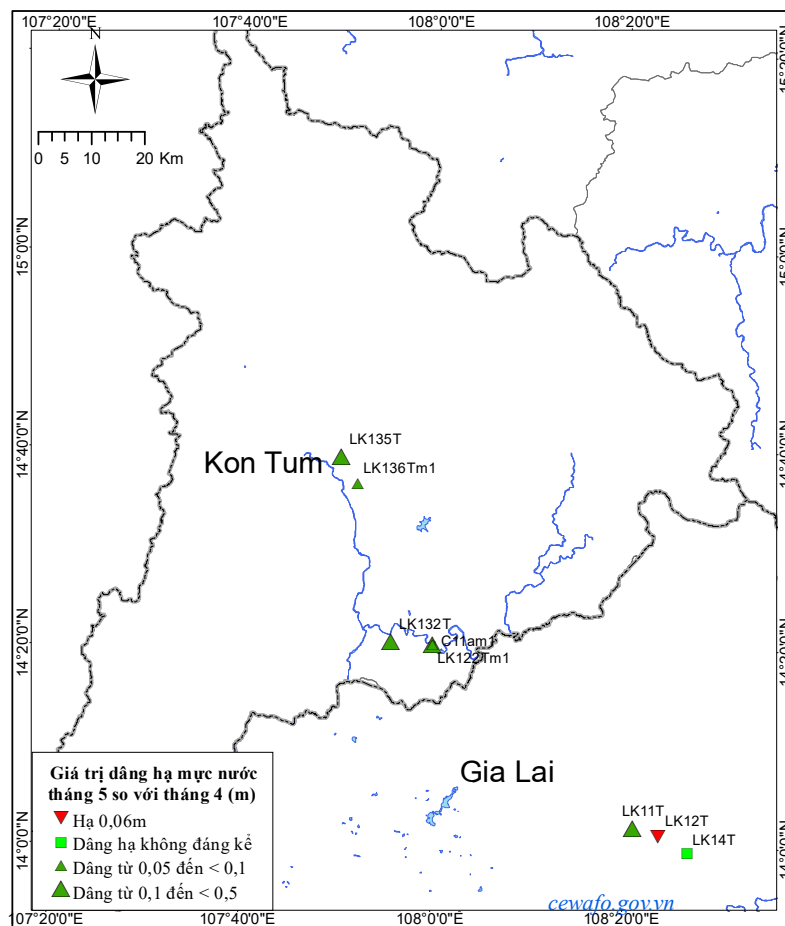
II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước các tỉnh

II.1. Tỉnh Kon Tum

II.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)

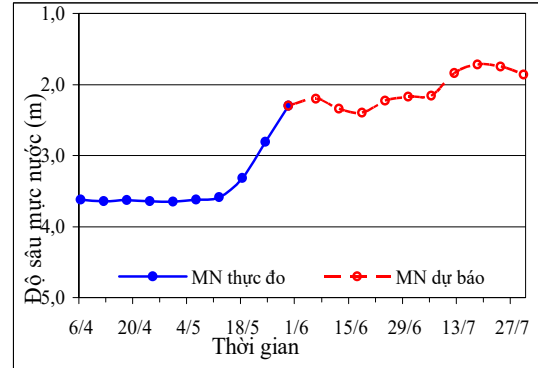
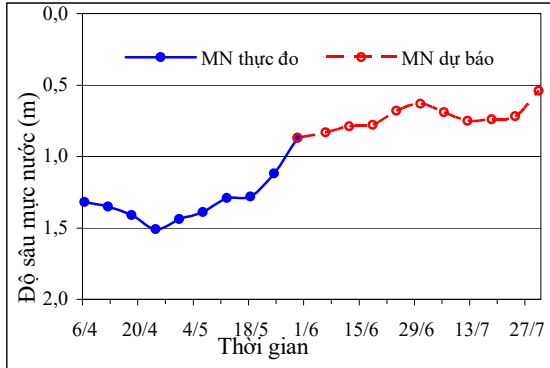
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu hướng dâng so với trung bình tháng 4. Giá trị dâng cao nhất là 0,43m tại TT.Đắk Tô-Đắk Tô (LK135T).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,22m tại Ia Chim-TP.Kon Tum (LK132T) và mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,89m tại P.Quyết Thắng-TP.Kon Tum (LK122Tm1).



Hình 21. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 tầng Q

Dự báo: Trong tháng 6 và tháng 7 mực nước có xu hướng dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 22 và bảng 9).



(a) xã Ia Chim, TP.Kon Tum (LK132T)

(b) TT.Đắk Tô, huyện Đắk Tô (LK135T)

Hình 22. Dự báo độ sâu mực nước tầng Q

Bảng 9. Độ sâu mực nước tầng Q (m)

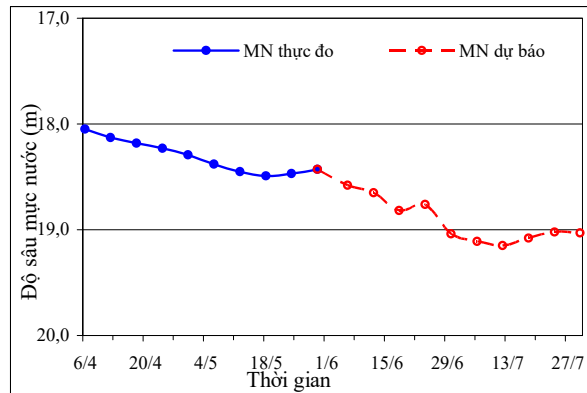
Ngày	Xã Ia Chim, TP.Kon Tum (LK132T)			TT.Đắk Tô, huyện Đắk Tô (LK135T)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7		Tháng 6	Tháng 7
6	1,39	0,83	0,69	3,62	2,20	2,16
12	1,29	0,79	0,75	3,59	2,34	1,84
18	1,28	0,78	0,74	3,32	2,40	1,72
24	1,12	0,68	0,72	2,81	2,23	1,75
30	0,87	0,63	0,54	2,30	2,17	1,86
TB	1,19	0,74	0,69	3,13	2,27	1,87

Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.1.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hồng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_1)

Theo kết quả quan trắc tại Ia Chim-TP.Kon Tum (LK130T) mực nước trung bình tháng 5 có xu hướng hạ so với trung bình tháng 4. Mực nước trung bình tháng là 18,44m.

Dự báo: Trong tháng 6 và tháng 7 mực nước có xu hướng hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình LK130T như sau (xem hình 23 và bảng 10).



Hình 23. Dự báo độ sâu mực nước tầng βN_2-Q_1

Bảng 10. Độ sâu mực nước tầng βN_2-Q_1 (m)

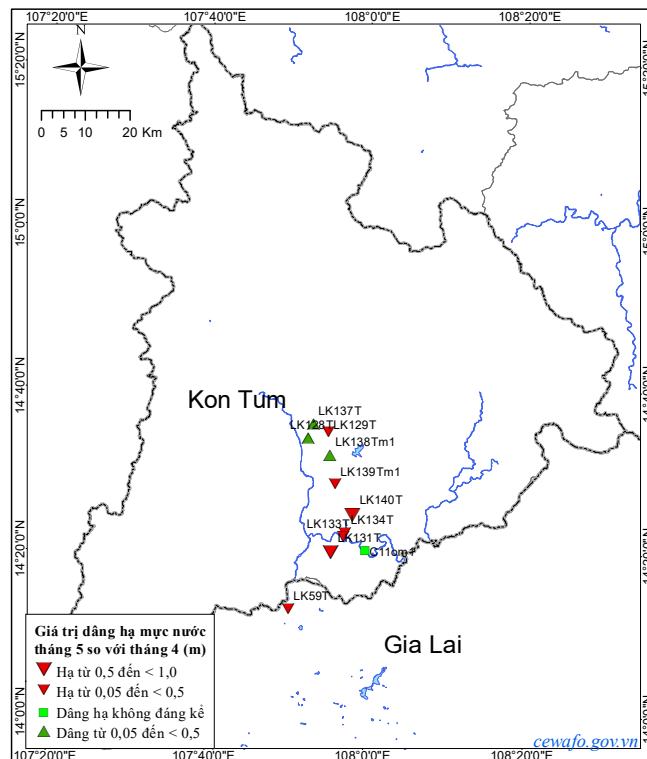
Ngày	Xã Ia Chim, TP.Kon Tum (LK130T)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7
6	18,38	18,58	19,11
12	18,45	18,65	19,15
18	18,49	18,82	19,08
24	18,47	18,76	19,02
30	18,43	19,04	19,03
TB	18,44	18,77	19,08

Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.1.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng vỉa các thành tạo đầm hồ trầm tích Neogen (N)

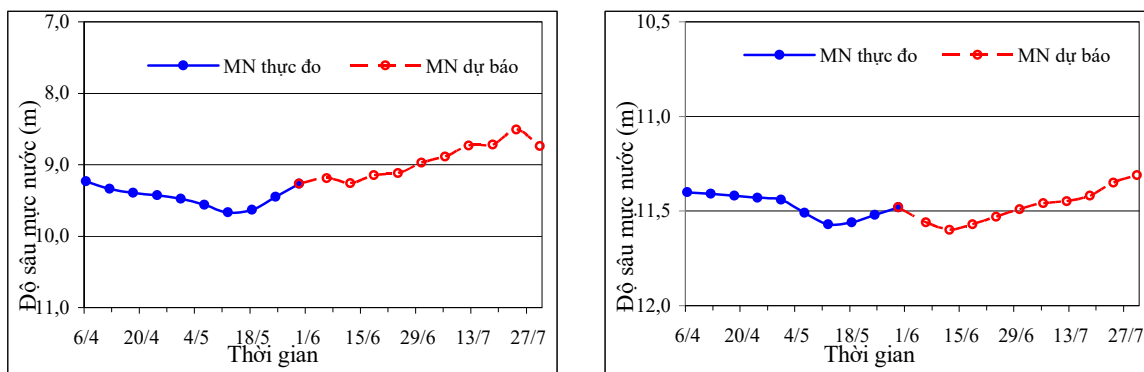
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu hướng hạ chiếm ưu thế so với trung bình tháng 4. Giá trị hạ thấp nhất là 0,99m tại Vinh Quang-TP.Kon Tum (LK140T) và giá trị dâng cao nhất là 0,40m tại Diên Bình-Đắk Tô (LK137T).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 3,72m tại TT.Đắk Mra-Đắk Hà (LK138Tm1) và mực nước trung bình tháng sâu nhất là 19,38m tại Hà Mòn-Đắk Hà (LK139Tm1).



Hình 24. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 tầng N

Dự báo: Trong tháng 6 và tháng 7 mực nước có xu hướng dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 25 và bảng 11).



(a) xã Đắk Hring, huyện Đắk Hà (LK129T) (b) xã Ngọc Bay, TP.Kon Tum (LK134T)
Hình 25. Dự báo độ sâu mực nước tầng N

Bảng 11. Độ sâu mực nước tầng N (m)

Ngày	Xã Đắk Hring, huyện Đắk Hà (LK129T)			Xã Ngọc Bay, TP.Kon Tum (LK134T)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7		Tháng 6	Tháng 7
6	9,56	9,19	8,89	11,51	11,56	11,46
12	9,67	9,26	8,73	11,57	11,60	11,45
18	9,63	9,15	8,72	11,56	11,57	11,42
24	9,45	9,12	8,51	11,52	11,53	11,35
30	9,27	8,97	8,74	11,48	11,49	11,31
TB	9,52	9,14	8,72	11,53	11,55	11,40

Cảnh báo: Không có cảnh báo.

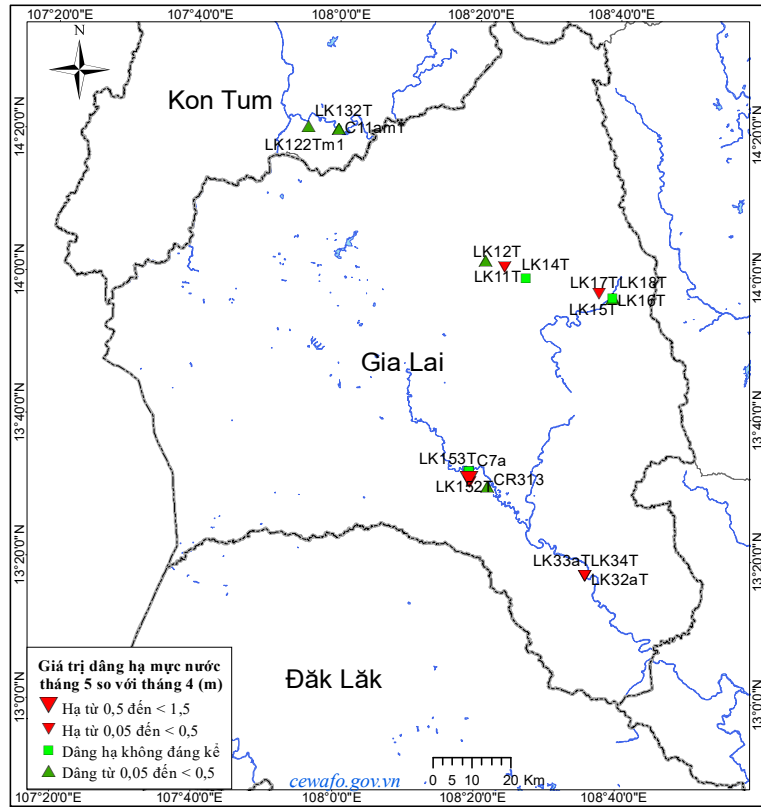
II.2. Tỉnh Gia Lai

II.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)

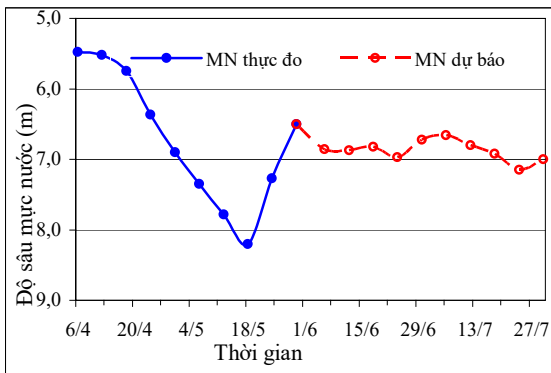
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu hướng hạ là chính so với trung bình tháng 4. Giá trị hạ thấp nhất là 1,43m tại TT.Phú Thiện-Phú Thiện (C7a) và giá trị dâng cao nhất là 0,58m tại Ia Piar-Phú Thiện (CR313).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 2,92m tại Ia Piar-Phú Thiện (CR313) và mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,46m tại TT.Phú Thiện-Phú Thiện (LK153T).

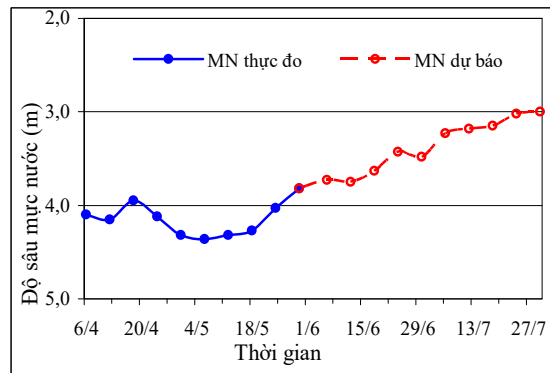
Dự báo: Trong tháng 6 và tháng 7 mực nước có xu hướng dâng là chính, và có xu hướng hạ ở Phú Thiện và Krông Pa tỉnh Gia Lai. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 27 và bảng 12).



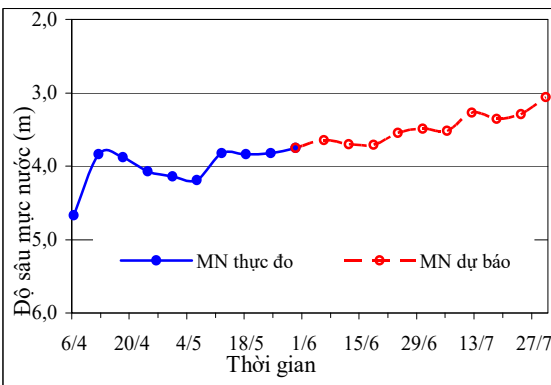
Hình 26. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 tầng Q



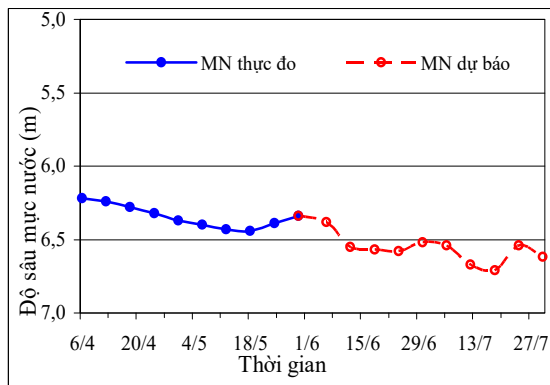
(a) TT. Phú Thiện, huyện Phú Thiện (C7a)



(b) xã Hra, huyện Mang Yang (LK12T)



(c) P. An Bình, TX. An Khê (LK18T)



(d) xã Ia Rswon, huyện Krông Pa (LK32aT)

Hình 27. Dự báo độ sâu mực nước tầng Q

Bảng 12. Độ sâu mực nước tầng Q (m)

Ngày	TT.Phú Thiện, huyện Phú Thiện (C7a)			Xã Hra, huyện Mang Yang (LK12T)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7		Tháng 6	Tháng 7
6	7,35	6,86	6,66	4,36	3,73	3,23
12	7,78	6,87	6,80	4,32	3,75	3,18
18	8,20	6,82	6,92	4,27	3,63	3,15
24	7,27	6,97	7,15	4,03	3,43	3,02
30	6,50	6,72	7,00	3,82	3,48	3,00
TB	7,42	6,85	6,91	4,16	3,60	3,12
Ngày	P.An Bình, TX.An Khê (LK18T)			Xã Ia Rsuron, huyện Krông Pa (LK32aT)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7		Tháng 6	Tháng 7
6	4,19	3,65	3,52	6,40	6,38	6,54
12	3,82	3,70	3,27	6,43	6,55	6,67
18	3,84	3,71	3,36	6,44	6,57	6,71
24	3,82	3,55	3,29	6,39	6,58	6,54
30	3,75	3,49	3,06	6,34	6,52	6,62
TB	3,88	3,62	3,30	6,40	6,52	6,62

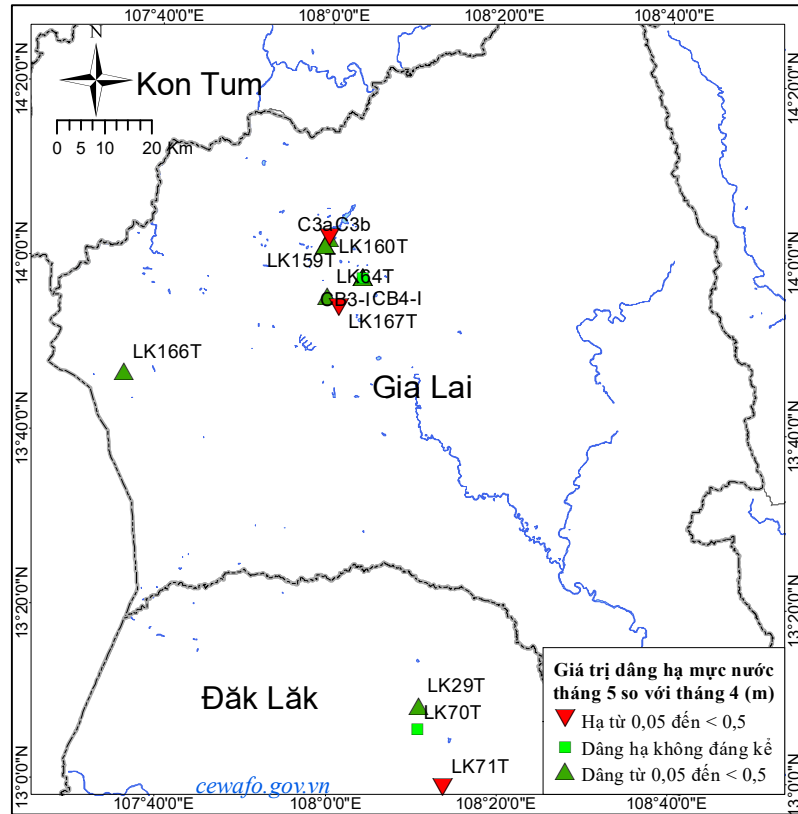
Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.2.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa (βQ_{II})

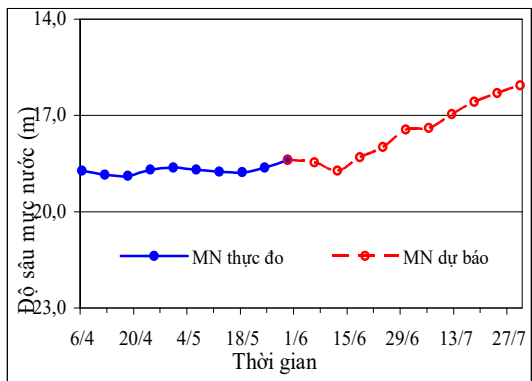
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu hướng dâng là chính so với trung bình tháng 4. Giá trị dâng cao nhất là 0,31m tại P. Hội Phú-TP.Pleiku (LK64T) và giá trị hạ thấp nhất là 0,29m tại Chư Hrông-TP.Pleiku (LK167T).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 3,47m tại Biển Hồ-TP.Pleiku (LK159T) và mực nước trung bình tháng sâu nhất là 28,23m tại P.Yên Thế-TP.Pleiku (C3b).

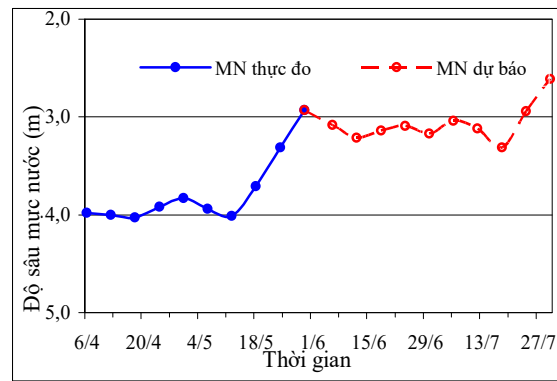
Dự báo: Trong tháng 6 và tháng 7 mực nước có xu hướng dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 29 và bảng 13).



Hình 28. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 tầng β_{QII}



(a) P. Yên Thế, TP. Pleiku (C3a)



(b) P. Phú Hội, TP. Pleiku (LK64T)

Hình 29. Dự báo độ sâu mực nước tầng β_{QII}

Bảng 13. Độ sâu mực nước tầng β_{QII} (m)

Ngày	P. Yên Thế, TP. Pleiku (C3a)			P. Phú Hội, TP. Pleiku (LK64T)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7		Tháng 6	Tháng 7
6	18,69	18,46	17,40	3,94	3,08	3,04
12	18,76	18,73	16,96	4,01	3,21	3,12
18	18,77	18,30	16,58	3,71	3,14	3,31

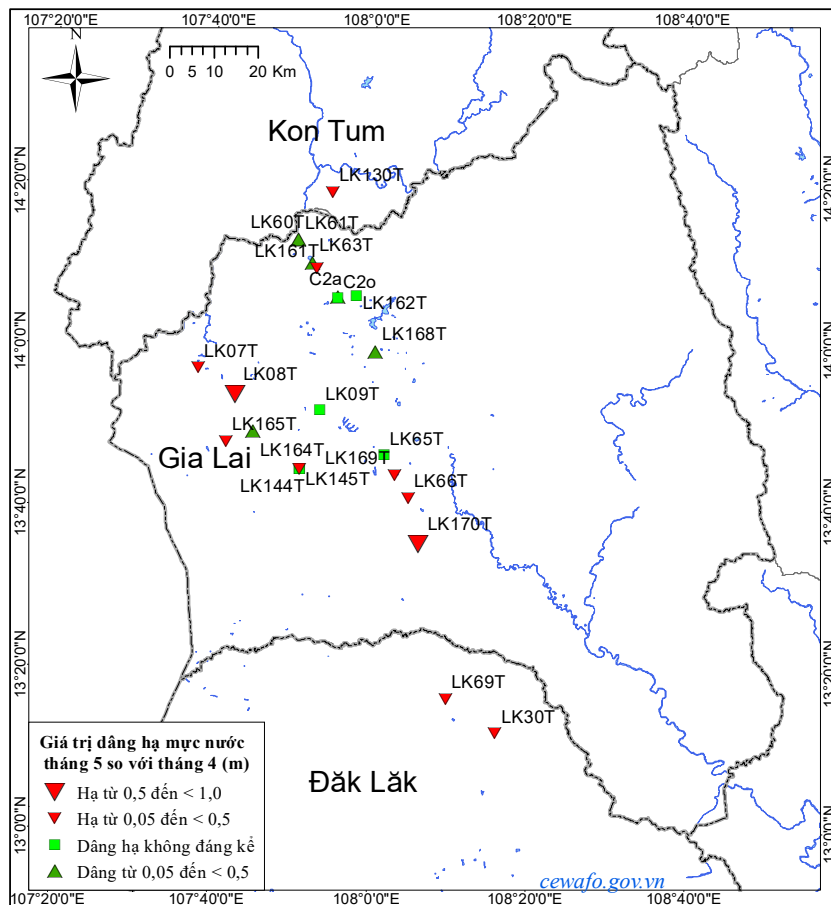
Ngày	P.Yên Thế, TP.Pleiku (C3a)			P.Phú Hội, TP.Pleiku (LK64T)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7		Tháng 6	Tháng 7
24	18,63	17,98	16,31	3,31	3,09	2,94
30	18,38	17,44	16,06	2,93	3,17	2,61
TB	18,65	18,18	16,66	3,58	3,14	3,00

Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.2.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới ($\beta_{N_2-Q_1}$)

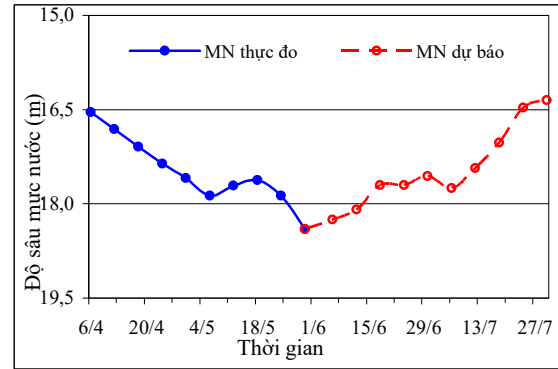
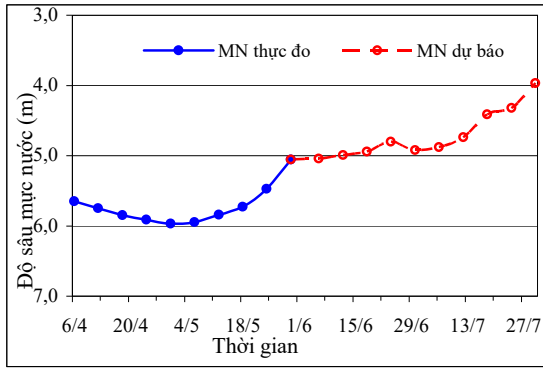
Trong phạm vi tỉnh, mức nước trung bình tháng 5 có xu hướng hạ là chính so với trung bình tháng 4. Giá trị hạ thấp nhất là 0,79m tại Ia Đok-Đức Cơ (LK08T) và giá trị dâng cao nhất là 0,39m tại P.Hoa Lu-TP.Pleiku (LK168T).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là 0,64m tại Ia Drăng-Chư Prông (LK144T) và mức nước trung bình tháng sâu nhất là 33,86m tại TT.Chư Ty-Đức Cơ (LK165T).



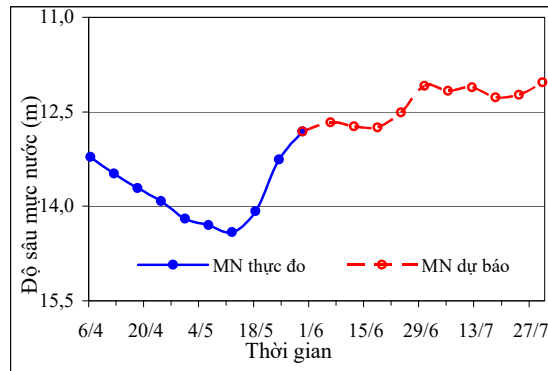
Hình 30. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 tầng $\beta_{N_2-Q_1}$

Dự báo: Trong tháng 6 và tháng 7 mức nước có xu hướng dâng là chính. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 31 và bảng 14).



(a) xã Nghĩa Hòa, huyện Chư Pah (C2a)

(b) xã Ia Dom, huyện Đức Cơ (LK08T)



(c) TT.Chư Sê, huyện Chư Sê (LK66T)

Hình 31. Dự báo độ sâu mực nước tầng βN_2-Q_1

Bảng 14. Độ sâu mực nước tầng βN_2-Q_1 (m)

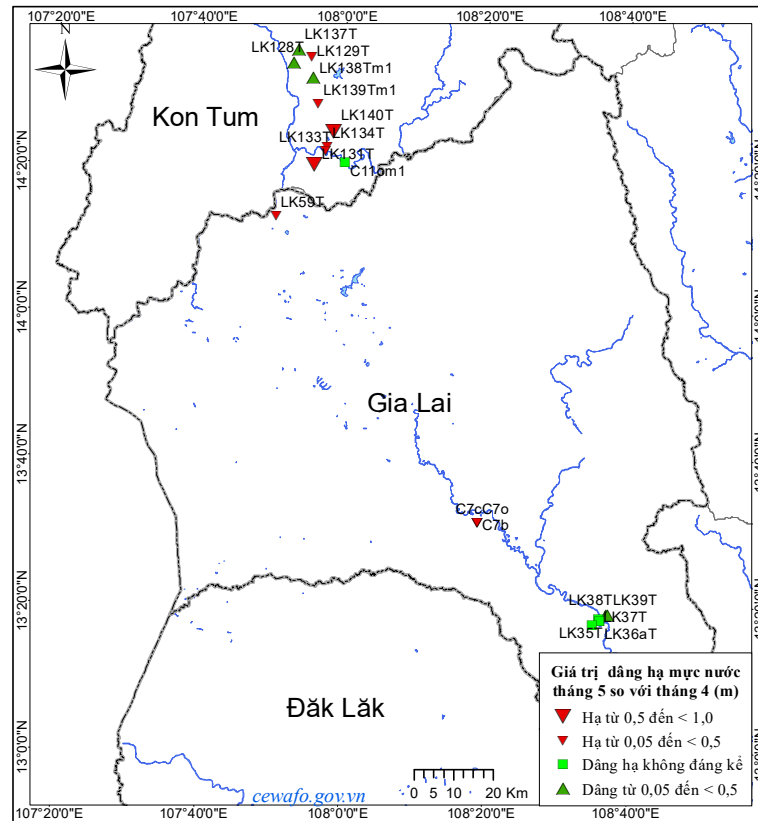
Ngày	Xã Nghĩa Hòa, huyện Chư Pah (C2a)			Xã Ia Dom, huyện Đức Cơ (LK08T)			TT.Chư Sê, huyện Chư Sê (LK66T)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7		Tháng 6	Tháng 7		Tháng 6	Tháng 7
6	5,95	5,04	4,88	17,87	18,25	17,75	14,30	12,67	12,17
12	5,84	4,99	4,74	17,71	18,09	17,43	14,41	12,73	12,11
18	5,73	4,94	4,41	17,62	17,70	17,03	14,08	12,75	12,27
24	5,47	4,80	4,32	17,87	17,70	16,47	13,26	12,51	12,23
30	5,06	4,92	3,97	18,40	17,56	16,35	12,81	12,09	12,03
TB	5,61	4,94	4,46	17,89	17,86	17,01	13,77	12,55	12,16

Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.2.4. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng vỉa các thành tạo đầm hồ trầm tích Neogen (N)

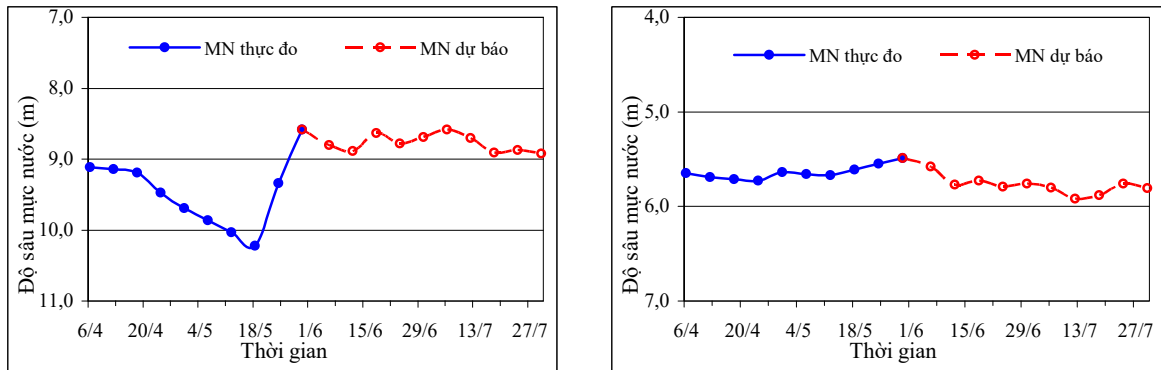
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu hướng hạ là chính so với trung bình tháng 4. Giá trị hạ thấp nhất là 0,50m tại TT.Phú Thiện-Phú Thiện (C7o) và giá trị dâng cao nhất là 0,29m tại Chư Rcam-Krông Pa (LK38T).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là 1,52m tại Ialy-Chur Pah (LK59T) và mức nước trung bình tháng sâu nhất là 13,27m tại Ia RSuron-Krông Pa (LK31T).



Hình 32. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 tăng N

Dự báo: Trong tháng 6 và tháng 7 mực nước có xu hướng dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 33 và bảng 15).



Hình 33. Dự báo độ sâu mực nước tầng N

Bảng 15. Độ sâu mực nước tầng N (m)

Ngày	TT.Phú Thiện, huyện Phú Thiện (C7b)		Xã Chư Rcam, huyện Krông Pa (LK39T)			
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7		Tháng 6	Tháng 7
6	9,86	8,80	8,58	5,66	5,58	5,80
12	10,03	8,89	8,70	5,67	5,77	5,92
18	10,22	8,63	8,91	5,61	5,73	5,88
24	9,34	8,78	8,87	5,55	5,79	5,76
30	8,58	8,69	8,92	5,49	5,76	5,81
TB	9,61	8,76	8,80	5,60	5,73	5,83

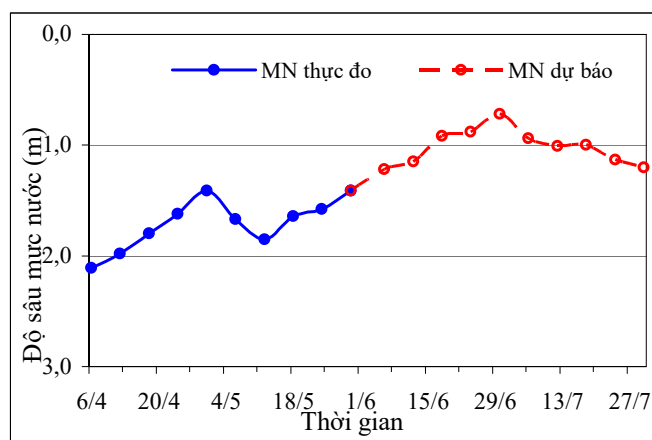
Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.3. Tỉnh Đắk Lắk

II.3.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)

Theo kết quả quan trắc tại Quảng Điền- Krông Ana (LK76T) mực nước trung bình tháng 5 có xu hướng dâng so với trung bình tháng 4. Mực nước trung bình tháng là 1,63m.

Dự báo: Trong tháng 6 và tháng 7 mực nước có xu hướng dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại điểm đặc trưng như sau (xem hình 34 và bảng 16).



Hình 34. Dự báo độ sâu mực nước tầng Q

Bảng 16. Độ sâu mực nước tầng Q (m)

Ngày	Xã Quảng Điền, huyện Krông Ana (LK76T)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7
6	1,67	1,22	0,94
12	1,85	1,15	1,01
18	1,64	0,92	1,00

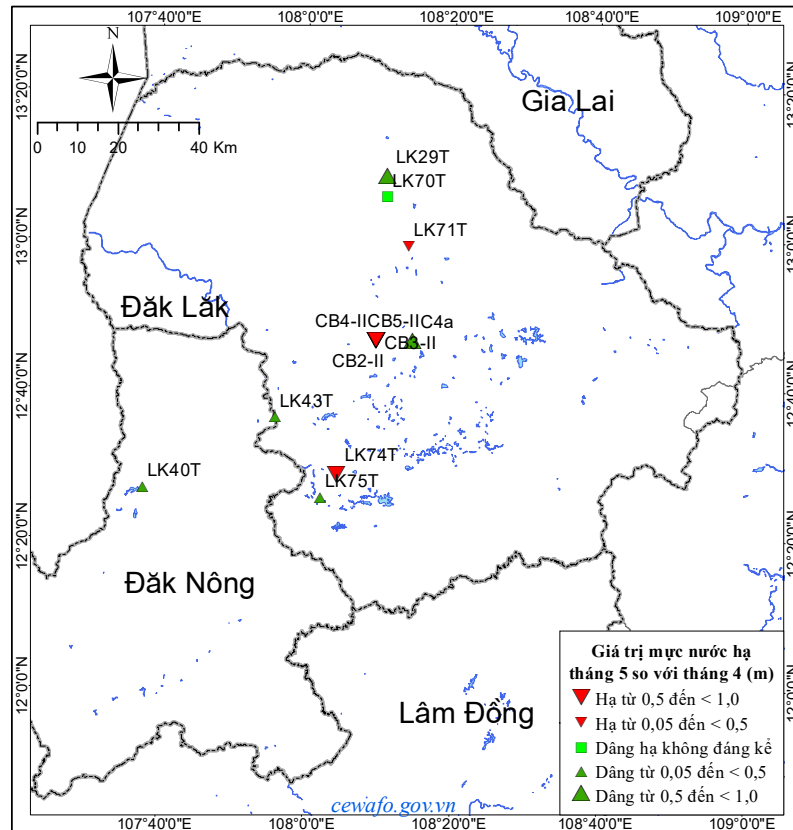
Ngày	Xã Quảng Điền, huyện Krông Ana (LK76T)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7
24	1,58	0,88	1,13
30	1,41	0,72	1,20
TB	1,63	0,98	1,06

Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.3.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa (β_{QII})

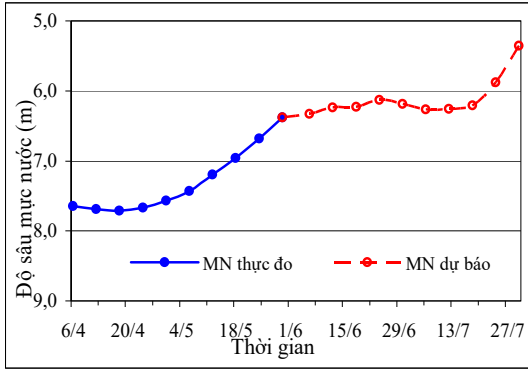
Trong phạm vi tỉnh, mức nước trung bình tháng 5 có xu hướng hạ là chính so với trung bình tháng 4. Giá trị hạ thấp nhất là 0,78m tại Ea Ktur-Cư Kuin (LK74T) và giá trị dâng cao nhất là 0,67m tại Cư Bao-TX. Buôn Hồ (C4a).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là 6,56m tại Quảng Điền-Krông Ana (LK75T) và mức nước trung bình tháng sâu nhất là 22,23m tại TT.Ea Drăng-EaH'leo (LK71T).

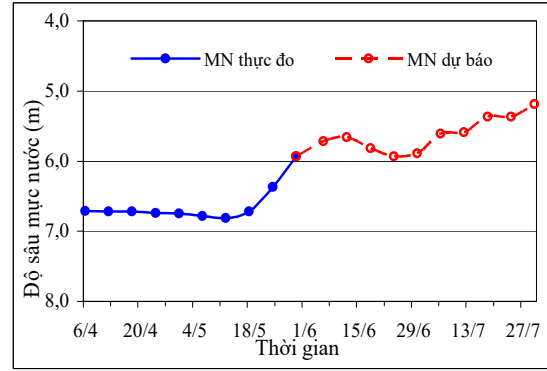


Hình 35. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 tầng β_{QII}

Dự báo: Trong tháng 6 và tháng 7 mức nước có xu hướng dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 36 và bảng 17).



(a) xã Cư Bao, TX.Buôn Hồ (C4a)



(b) xã Quảng Điền, huyện Krông Ana (LK75T)

Hình 36. Dự báo độ sâu mực nước tầng β_{QII}

Bảng 17. Độ sâu mực nước tầng β_{QII} (m)

Ngày	Xã Cư Bao, TX.Buôn Hồ (C4a)			Xã Quảng Điền, huyện Krông Ana (LK75T)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7		Tháng 6	Tháng 7
6	7,43	6,33	6,27	6,78	5,72	5,61
12	7,20	6,24	6,26	6,81	5,66	5,59
18	6,96	6,23	6,21	6,72	5,82	5,37
24	6,68	6,13	5,88	6,37	5,93	5,37
30	6,38	6,19	5,36	5,93	5,89	5,19
TB	6,93	6,22	6,00	6,52	5,80	5,43

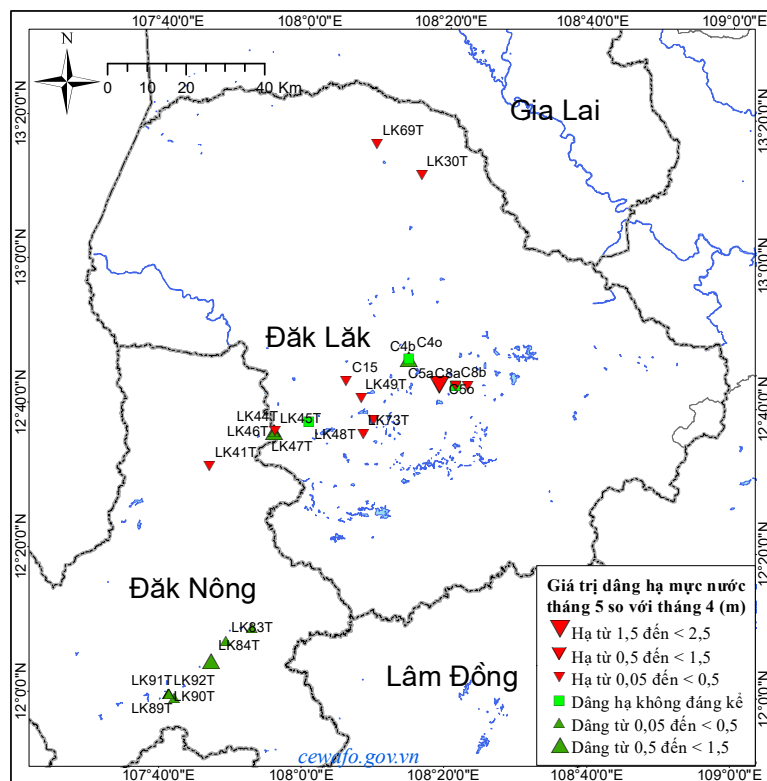
Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.3.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới ($\beta_{N_2-Q_I}$)

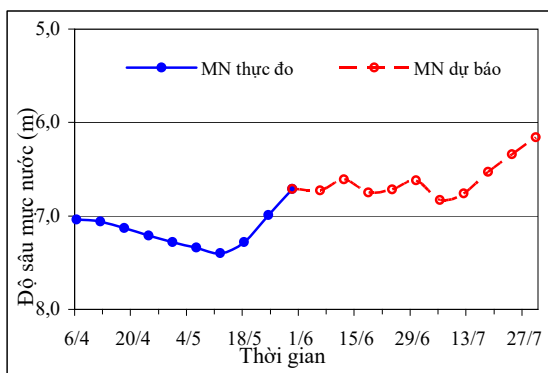
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu hướng hạ là chính so với trung bình tháng 4. Giá trị hạ thấp nhất là 2,45m tại Ea Knuéc-Krông Păk (C5o) và giá trị dâng cao nhất là 0,69m tại Cư Bao-TX. Buôn Hồ (C4o) .

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,82m tại Hòa Phú-TP.Buôn Ma Thuột (LK46T) và mực nước trung bình tháng sâu nhất là 51,51m tại Eatu-TP.Buôn Ma Thuột (C15).

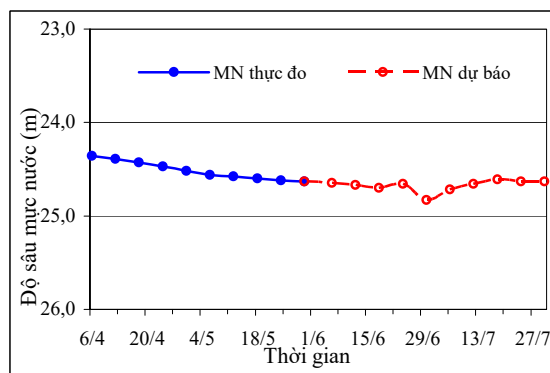
Dự báo: Trong tháng 6 và tháng 7 mực nước có xu hướng dâng là chính. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 38 và bảng 18).



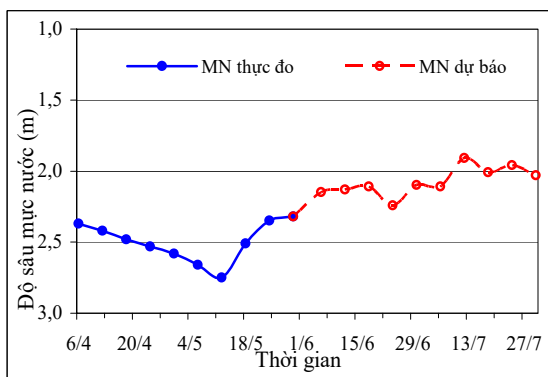
Hình 37. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 tầng βN_2-Q_1



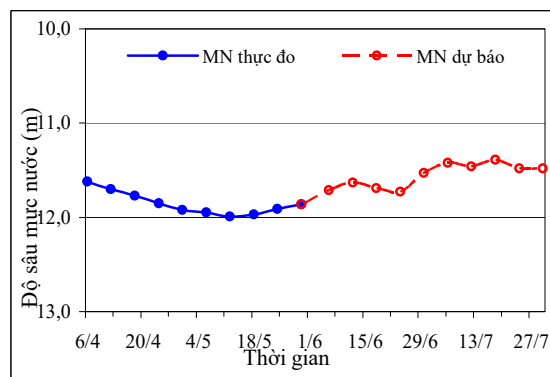
(a) xã Ea Phê, huyện Krông Pắc (C8a)



(b) xã Ea Sol, huyện Ea leo (LK30T)



(c) P.Khánh Xuân, TP.Buôn Ma Thuột (LK48T)



(d) xã Ea Ktua, huyện Cư Kuin (LK72T)

Hình 38. Dự báo độ sâu mực nước tầng βN_2-Q_1

Bảng 18. Độ sâu mực nước tầng βN_2-Q_1 (m)

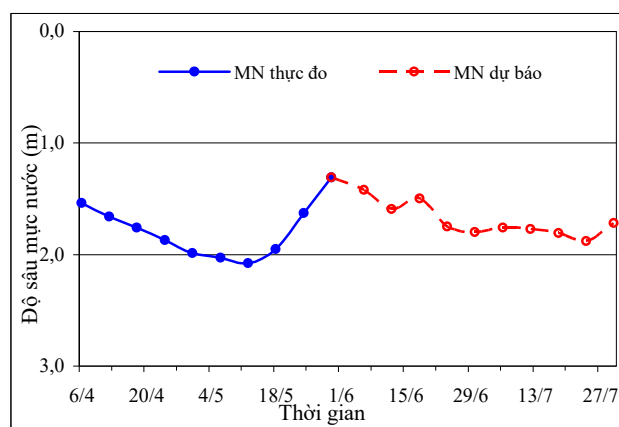
Ngày	Xã Ea Phê, huyện Krông Pắc (C8a)			Xã Ea Sol, huyện Ea Hleo (LK30T)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7		Tháng 6	Tháng 7
6	7,34	6,73	6,83	24,56	24,65	24,72
12	7,40	6,61	6,76	24,58	24,67	24,66
18	7,28	6,75	6,53	24,60	24,70	24,61
24	6,99	6,72	6,34	24,62	24,66	24,63
30	6,71	6,62	6,16	24,63	24,83	24,63
TB	7,14	6,69	6,52	24,60	24,70	24,65
Ngày	P. Khánh Xuân, TP. Buôn Ma Thuột (LK48T)			Xã Ea Ktua, huyện Cư Kuin (LK72T)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7		Tháng 6	Tháng 7
6	2,66	2,15	2,11	11,95	11,71	11,42
12	2,75	2,13	1,91	11,99	11,63	11,46
18	2,51	2,11	2,01	11,97	11,69	11,39
24	2,35	2,24	1,96	11,91	11,73	11,48
30	2,32	2,10	2,03	11,86	11,53	11,48
TB	2,52	2,15	2,00	11,94	11,66	11,45

Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.3.4. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng vỉa các thành tạo đầm hồ trầm tích Neogen (N)

Theo kết quả quan trắc tại Ea Kmut-Ea Kar (LK52T) mực nước trung bình tháng 5 có xu hướng dâng so với trung bình tháng 4. Mực nước trung bình tháng là 1,80m.

Dự báo: Trong tháng 6 và tháng 7 mực nước có xu hướng hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình LK52T như sau (xem hình 39 và bảng 19).



Hình 39. Dự báo độ sâu mực nước tầng N

Bảng 19. Độ sâu mực nước tầng N (m)

Ngày	Xã Ea Kmut, huyện Ea Kar (LK52T)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7
6	2,03	1,42	1,76
12	2,08	1,59	1,77
18	1,95	1,50	1,81
24	1,63	1,75	1,88
30	1,31	1,80	1,72
TB	1,80	1,61	1,79

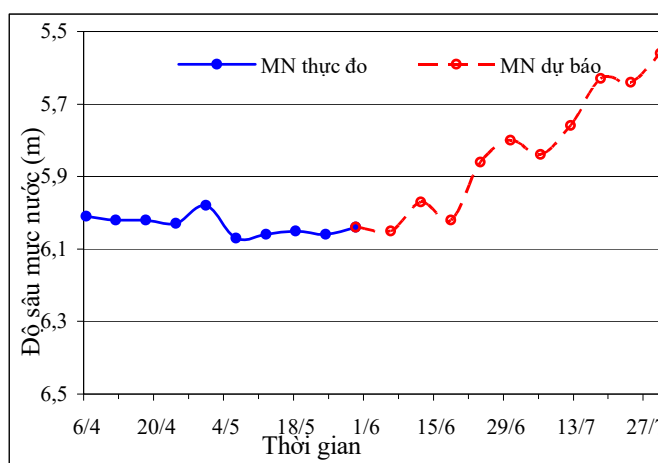
Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.4. Tỉnh Đắk Nông

II.4.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)

Theo kết quả quan trắc tại Đắc Nang-Krông Nô (LK79T) mực nước trung bình tháng 5 có xu hướng hạ so với trung bình tháng 4. Mực nước trung bình tháng là 6,06m.

Dự báo: Trong tháng 6 và tháng 7 mực nước có xu hướng dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình LK79T như sau (xem hình 40 và bảng 20).



Hình 40. Dự báo độ sâu mực nước tầng Q

Bảng 20. Độ sâu mực nước tầng Q (m)

Ngày	Xã Đắc Nang, huyện Krông Nô (LK79T)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7
6	6,07	6,05	5,84
12	6,06	5,97	5,76

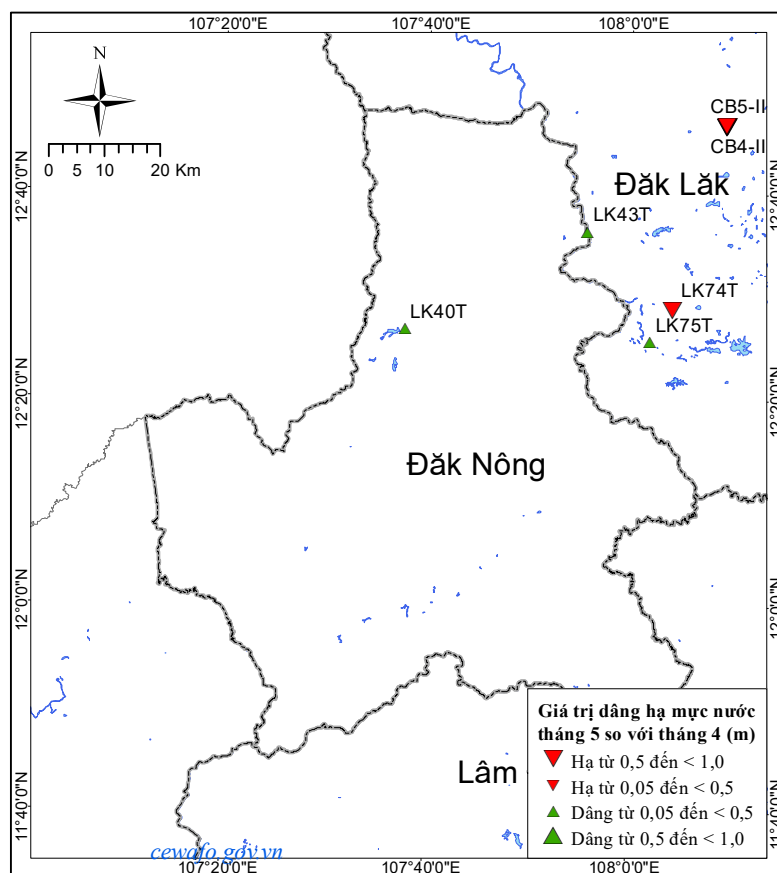
Ngày	Xã Đắc Nang, huyện Krông Nô (LK79T)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7
18	6,05	6,02	5,63
24	6,06	5,86	5,64
30	6,04	5,80	5,56
TB	6,06	5,94	5,69

Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.4.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa (βQ_{II})

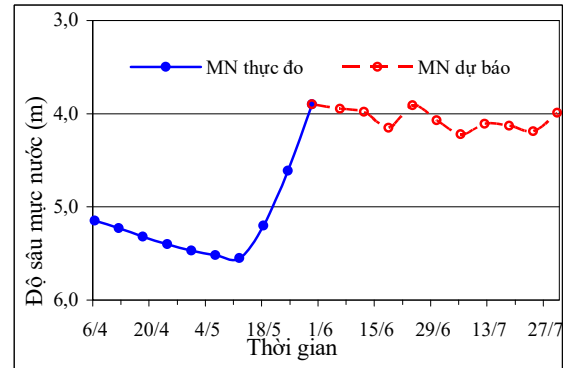
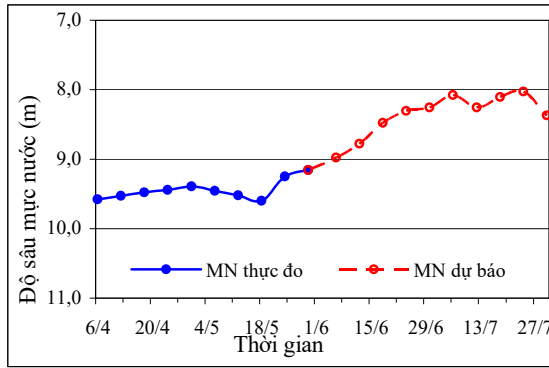
Trong phạm vi tỉnh, mức nước trung bình tháng 5 có xu hướng dâng so với trung bình tháng 4. Giá trị dâng cao nhất là 0,28m tại Tâm Thắng-Cư Jut (LK43T)

Mức nước trung bình tháng nông nhất là 5,03m tại Tâm Thắng-Cư Jut (LK43T) và mức nước trung bình tháng sâu nhất là 9,40m tại Đắc Lao-Đắc Mil (LK40T).



Hình 41. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 tầng βQ_{II}

Dự báo: Trong tháng 6 và tháng 7 mức nước có xu hướng dâng. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 42 và bảng 21).



(a) xã Đăk Lao, huyện Đăk Mil (LK40T) (b) xã Tâm Thắng, huyện Cư Jut (LK43T)
 Hình 42. Dự báo độ sâu mực nước tầng β_{QII}

Bảng 21. Độ sâu mực nước tầng β_{QII} (m)

Ngày	Xã Đăk Lao, huyện Đăk Mil (LK40T)		Xã Tâm Thắng, huyện Cư Jut (LK43T)			
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7		Tháng 6	Tháng 7
6	9,46	8,98	8,08	5,52	3,95	4,22
12	9,52	8,78	8,26	5,55	3,98	4,11
18	9,60	8,48	8,11	5,2	4,15	4,13
24	9,25	8,31	8,03	4,61	3,91	4,19
30	9,16	8,26	8,37	3,9	4,07	3,99
TB	9,40	8,56	8,17	4,96	4,01	4,13

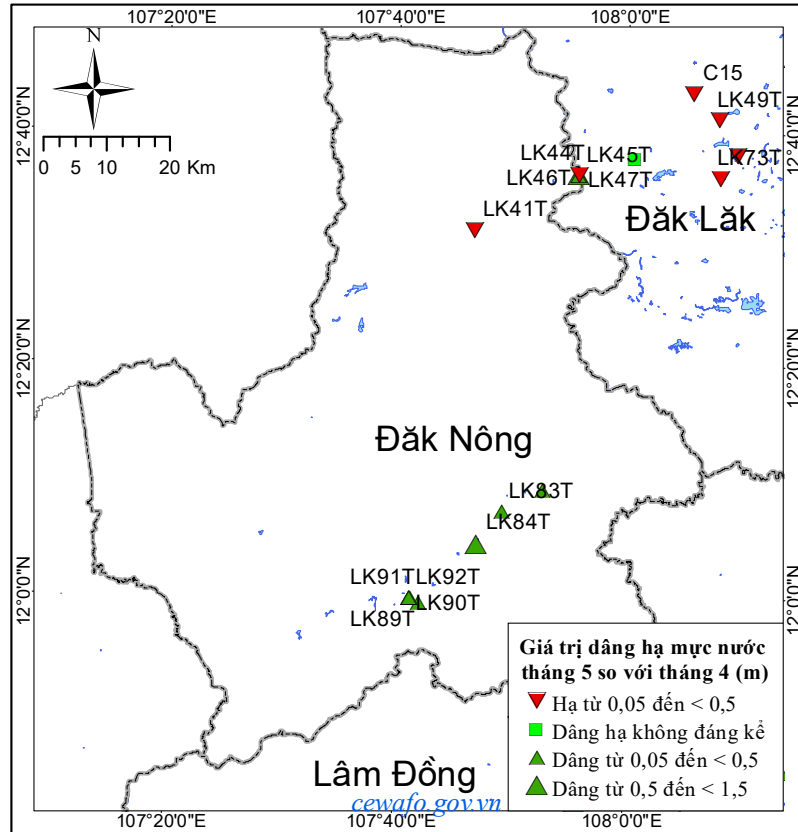
Cảnh báo: Không có cảnh báo

II.4.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới ($\beta_{N_2-Q_I}$)

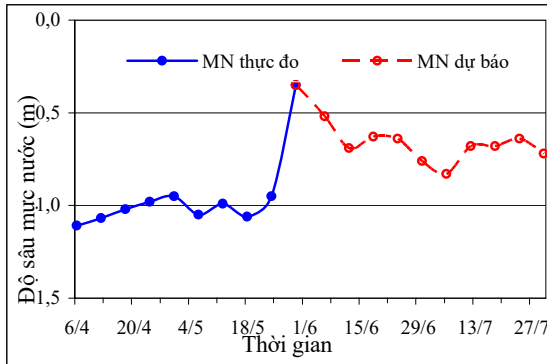
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu hướng dâng so với trung bình tháng 4. Giá trị dâng cao nhất là 1,24m tại Đăk Ha-Đăk Glong (LK84T) và chỉ có một công trình có mực nước hạ là 0,34m tại Đăk Gằn-Đăk Min (LK41T).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,91m tại Quảng Sơn-Đăk Glong (LK45T) và mực nước trung bình tháng sâu nhất là 22,71m tại P.Nghĩa Trung-TX.Gia Nghĩa (LK86T).

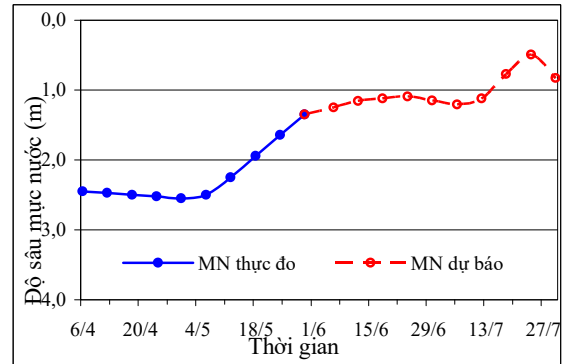
Dự báo: Trong tháng 6 và tháng 7 mực nước có xu hướng dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 44 và bảng 22).



Hình 43. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 tầng βN_2-Q_I



(a) xã Tâm Thắng, huyện Cư Jut (LK45T)



(b) xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong (LK83T)

Hình 44. Dự báo độ sâu mực nước tầng βN_2-Q_I

Bảng 22. Độ sâu mực nước tầng βN_2-Q_I (m)

Ngày	Xã Tâm Thắng, huyện Cư Jut (LK45T)			Xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong (LK83T)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7		Tháng 6	Tháng 7
6	1,05	0,52	0,83	2,50	1,25	1,21
12	0,99	0,69	0,68	2,25	1,16	1,12
18	1,06	0,63	0,68	1,94	1,12	0,77

Ngày	Xã Tâm Thắng, huyện Cư Jut (LK45T)			Xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong (LK83T)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7		Tháng 6	Tháng 7
24	0,95	0,64	0,64	1,64	1,09	0,49
30	0,35	0,76	0,72	1,35	1,15	0,83
TB	0,88	0,65	0,71	1,94	1,15	0,88

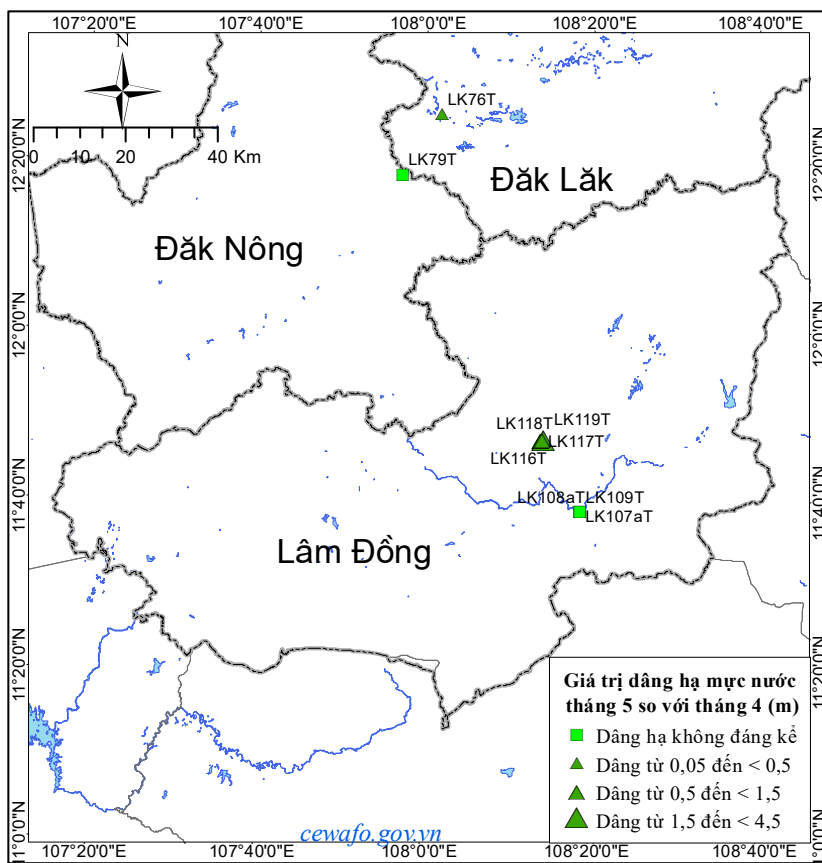
Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.5. Tỉnh Lâm Đồng

II.5.1. Tầng chứa nước lỗ hổng bồi tích hiện đại (Q)

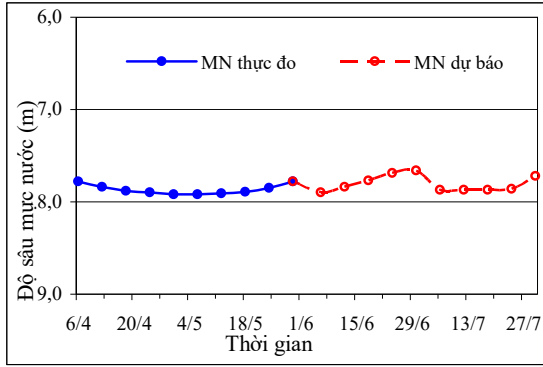
Trong phạm vi tỉnh, mức nước trung bình tháng 5 có xu hướng dâng so với trung bình tháng 4. Giá trị dâng cao nhất là 4,26m tại TT.Đỉnh Văn-Lâm Hà (LK119T).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là 0,94m tại Tân Văn-Lâm Hà (LK117T) và mức nước trung bình tháng sâu nhất là 9,98m tại Ninh Gia-Đức Trọng (LK107aT).

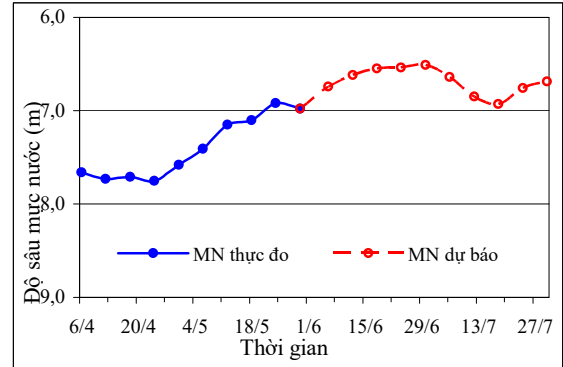


Hình 45. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 tầng Q

Dự báo: Trong tháng 6 và tháng 7 mức nước có xu hướng dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 46 và bảng 23).



(a) xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng (LK108aT)



(b) TT.Đình Văn, huyện Lâm Hà (LK118T)

Hình 46. Dự báo độ sâu mực nước tầng Q

Bảng 23. Độ sâu mực nước tầng Q (m)

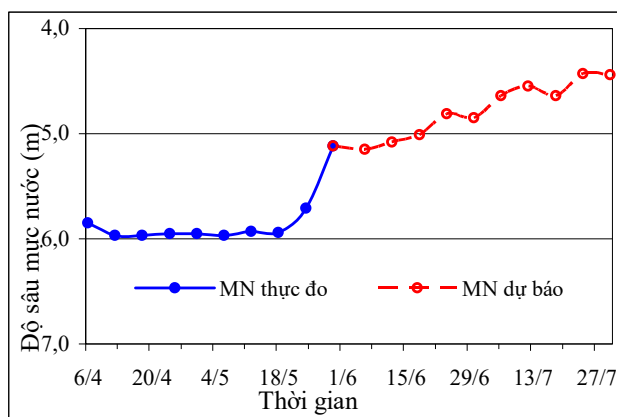
Ngày	Xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng (LK108aT)			TT.Đình Văn, huyện Lâm Hà (LK118T)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7		Tháng 6	Tháng 7
6	7,92	7,90	7,87	7,41	6,74	6,64
12	7,91	7,84	7,87	7,15	6,62	6,85
18	7,89	7,77	7,87	7,10	6,55	6,93
24	7,85	7,69	7,86	6,92	6,54	6,76
30	7,78	7,66	7,72	6,98	6,51	6,69
TB	7,87	7,77	7,84	7,11	6,59	6,77

Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.5.2. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pleistocen giữa (βQII)

Theo kết quả quan trắc tại Phú Hội- Đức Trọng (LK112T) mực nước trung bình tháng 5 có xu hướng dâng so với trung bình tháng 4. Mực nước trung bình tháng là 5,73m.

Dự báo: Trong tháng 6 và tháng 7 mực nước có xu hướng dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình LK112T như sau (xem hình 47 và bảng 24).



Hình 47. Dự báo độ sâu mực nước tầng βQ_{II}

Bảng 24. Độ sâu mực nước tầng βQ_{II} (m)

Ngày	Xã Phú Hội, huyện Đức Trọng (LK112T)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7
6	5,97	5,15	4,64
12	5,93	5,08	4,55
18	5,94	5,01	4,64
24	5,71	4,81	4,43
30	5,12	4,85	4,44
TB	5,73	4,98	4,54

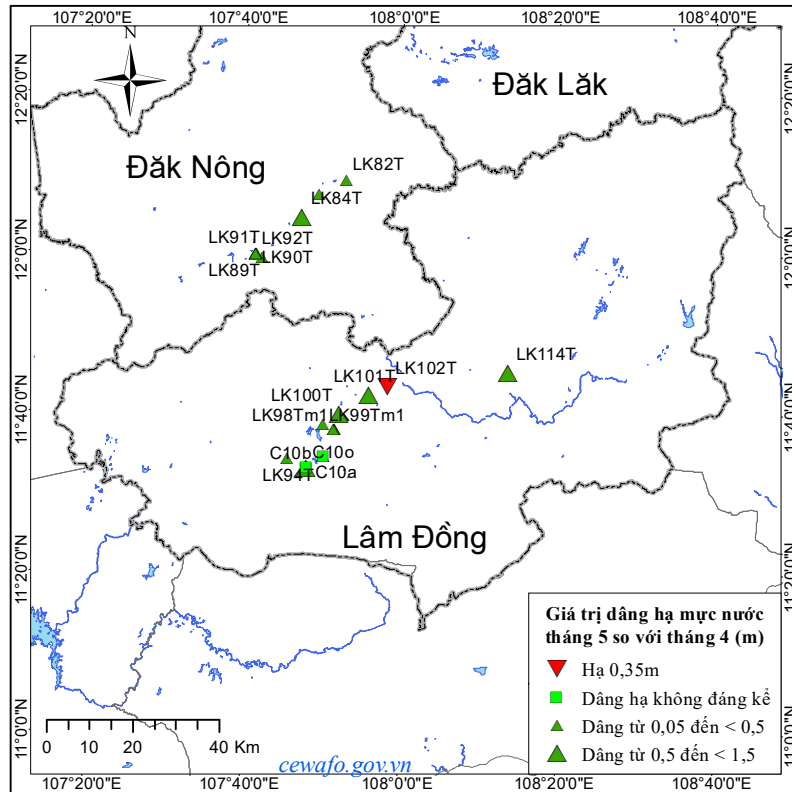
Cảnh báo: Không có cảnh báo.

II.5.3. Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới (βN_2-Q_1)

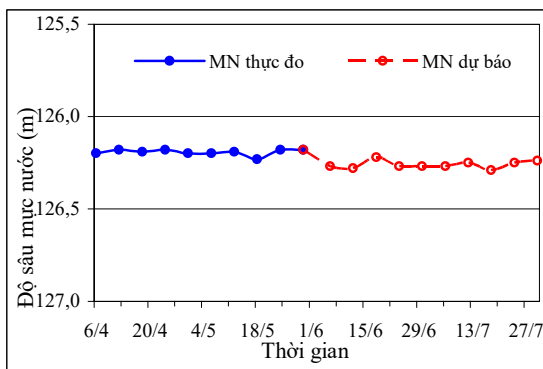
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu hướng dâng so với trung bình tháng 4. Giá trị dâng cao nhất là 1,50m tại Tân Văn-Lâm Hà (LK114T) và chỉ có một công trình có mực nước hạ là 0,35m tại Đình Trang Thượng-Di Linh (LK102T).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,89m tại Lộc Tân-Bảo Lâm (LK94T) và mực nước trung bình tháng sâu nhất là 126,20m tại P.2-TP.Bảo Lộc (C10o).

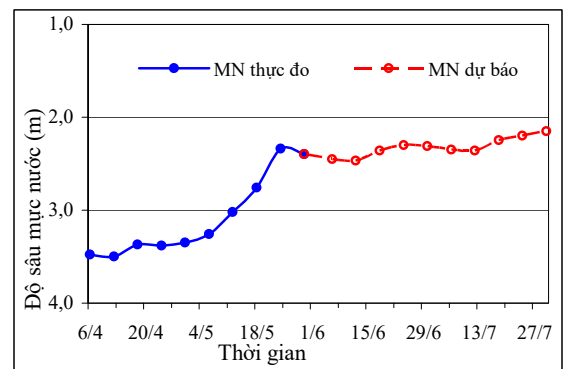
Dự báo: Trong tháng 6 và tháng 7 mực nước có xu hướng dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 49 và bảng 25).



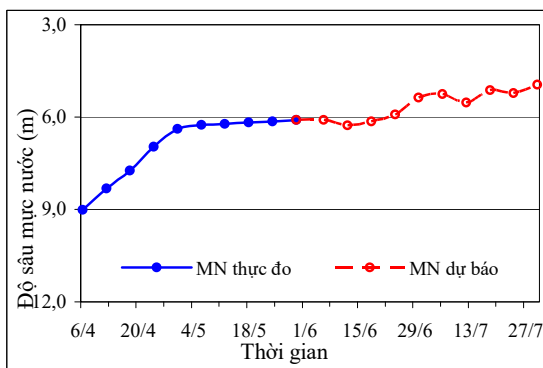
Hình 48. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 tầng βN_2-Q_1



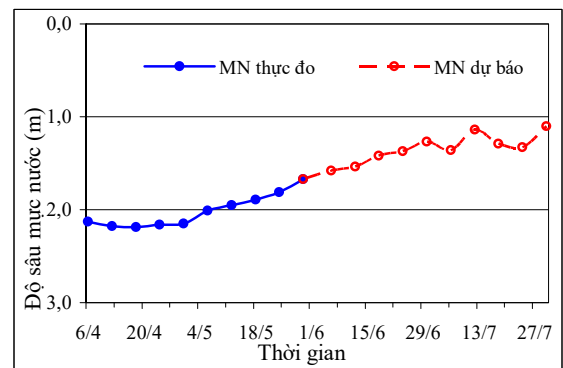
(a) Phường 2, TP.Bảo Lộc (C10o)



(b) xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm (LK100T)



(c) xã Tân Văn, huyện Lâm Hà (LK114T)



(d) xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm (LK94T)

Hình 49. Dự báo độ sâu mực nước tầng βN_2-Q_1

Bảng 25. Độ sâu mực nước tầng βN_2-Q_I (m)

Ngày	Phường 2, TP.Bảo Lộc (C10o)			Xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm (LK100T)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7		Tháng 6	Tháng 7
6	126,20	126,27	126,27	3,26	2,45	2,35
12	126,19	126,28	126,25	3,02	2,47	2,36
18	126,23	126,22	126,29	2,76	2,36	2,25
24	126,18	126,27	126,25	2,34	2,30	2,20
30	126,18	126,27	126,24	2,40	2,31	2,15
TB	126,20	126,26	126,26	2,76	2,38	2,26
Ngày	Xã Tân Văn, huyện Lâm Hà (LK114T)			Xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm (LK94T)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		Tháng 6	Tháng 7		Tháng 6	Tháng 7
6	6,25	6,10	5,26	2,01	1,58	1,36
12	6,23	6,27	5,54	1,95	1,54	1,14
18	6,18	6,15	5,13	1,89	1,42	1,29
24	6,14	5,92	5,23	1,81	1,37	1,33
30	6,09	5,37	4,95	1,67	1,27	1,10
TB	6,18	5,96	5,22	1,87	1,44	1,24

Cảnh báo: Không có cảnh báo.